

Số: 1831/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả và cấp chứng chỉ
Giáo dục quốc phòng - an ninh bậc cao đẳng hệ chính quy
khóa học 2014 - 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 08/09/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1157/QĐ-ĐHTDM ngày 08/8/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Tờ trình số 06/TTr-TTGDTC&QPAN ngày 07/11/2016 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh về việc đề nghị công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh bậc cao đẳng hệ chính quy khóa học 2014 - 2017.

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh cho 928 (chín trăm hai mươi tám) sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy khóa học 2014 - 2017 của trường Đại học Thủ Dầu Một (đính kèm danh sách).

Điều 2. Các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, các P. HT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiến

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN CẤP CHỨNG CHỈ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG & AN NINH, BẬC CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
KHOÁ HỌC: 2014 - 2017**

(Kèm theo Quyết định số 1834.../QĐ-ĐHTDM ngày 10 tháng 11 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1	1411402190039	Hoàng Thị Diễm	Nữ	28/12/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14DL01	
2	1411402190001	Thái Thành Đông	Nam	05/09/1995	Bình Dương	7.0	Khá	C14DL01	
3	1411402190034	Nguyễn Thanh Dương	Nam	16/06/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14DL01	
4	1411402190002	Nguyễn Ngọc Anh Duy	Nam	27/04/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14DL01	
5	1411402190014	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/02/1996	Hà Nội	7.8	Khá	C14DL01	
6	1411402190053	Trần Thị Tuyết Hân	Nữ	14/03/1996	Tp. HCM	7.0	Khá	C14DL01	
7	1411402190043	Mai Hoàng Phương Hào	Nữ	19/12/1995	Bình Phước	7.1	Khá	C14DL01	
8	1411402190011	Hoàng Thị Hiền	Nữ	09/12/1994	Bình Dương	7.4	Khá	C14DL01	
9	1411402190041	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	26/08/1996	Tp. HCM	7.0	Khá	C14DL01	
10	1411402190052	Nguyễn Phan Ngọc Hiệp	Nữ	15/01/1996	Tây Ninh	7.8	Khá	C14DL01	
11	1411402190058	Hồ Sĩ Hóa	Nam	15/06/1994	Bình Dương	7.6	Khá	C14DL01	
12	1411402190010	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	20/10/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14DL01	
13	1411402190021	Đặng Anh Hoanh	Nữ	10/06/1995	Bình Dương	8.3	Giỏi	C14DL01	
14	1411402190048	Huỳnh Thị Thu Hương	Nữ	31/03/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DL01	
15	1411402190047	Nguyễn Minh Huy	Nam	09/07/1995	Bình Dương	7.2	Khá	C14DL01	
16	1411402190030	Phạm Trọng Khánh	Nam	25/06/1995	Bình Dương	7.2	Khá	C14DL01	
17	1411402190020	Lương Anh Khoa	Nam	27/11/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14DL01	
18	1411402190004	Bồ Mỹ Linh	Nữ	20/03/1995	Bình Dương	6.4	TB Khá	C14DL01	
19	1411402190026	Nguyễn Linh Linh	Nữ	05/12/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14DL01	
20	1411402190005	Lê Thị Mến	Nữ	27/09/1993	Sóc Trăng	6.9	TB Khá	C14DL01	
21	1411402190015	Võ Thị Yến Ngân	Nữ	15/01/1994	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DL01	
22	1411402190037	Nguyễn Thị Tuyết Nguyên	Nữ	29/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14DL01	
23	1411402190036	Bồ Thị Bảo Ny	Nữ	06/05/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14DL01	
24	1411402190006	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	30/12/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14DL01	
25	1411402190007	Thuận Thị Quen	Nữ	02/03/1995	Ninh Thuận	7.3	Khá	C14DL01	
26	1411402190022	Bùi Thanh Tâm	Nữ	29/10/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DL01	
27	1411402190056	Trần Thái Thái	Nam	27/05/1996	Tây Ninh	6.8	TB Khá	C14DL01	
28	1411402190042	Lê Thị Thái Thanh	Nữ	11/11/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14DL01	
29	1411402190045	Nguyễn Thị Thạch Thảo	Nữ	24/08/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	C14DL01	
30	1411402190023	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	27/06/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DL01	
31	1411402190013	Dương Nghiêm Gia Thịnh	Nam	17/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14DL01	
32	1411402190030	Phạm Trọng Khánh	Nam	25/06/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14DL01	
33	1411402190019	Nguyễn Thị Hằng Thương	Nữ	25/01/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DL01	
34	1411402190040	Huỳnh Thị Như Thủy	Nữ	26/03/1991	Bình Dương	7.5	Khá	C14DL01	
35	1411402190018	Đặng Thị Bích Trâm	Nữ	01/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14DL01	
36	1411402190024	Nguyễn Thụy Nhã Trân	Nữ	12/05/1995	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DL01	
37	1411402190025	Đặng Thị Thùy Trang	Nữ	22/01/1995	Bình Dương	7.0	Khá	C14DL01	
38	1411402190031	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	31/03/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14DL01	
39	1411402190057	Lê Trần Ái Trúc	Nữ	01/12/1994	Bình Thuận	7.0	Khá	C14DL01	
40	1411402190050	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	29/01/1996	Tp. HCM	6.3	TB Khá	C14DL01	
41	1411402190032	Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	Nữ	03/10/1992	Vĩnh Long	7.0	Khá	C14DL01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
42	1411402190046	Dương Ngọc	Vàng	Nữ	03/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14DL01	
43	1411402190008	Lê Thanh	Vinh	Nam	15/11/1995	Bình Dương	7.6	Khá	C14DL01	
44	1411402190051	Nguyễn Thị Hồng	Yến	Nữ	12/04/1996	Long An	7.9	Khá	C14DL01	
45	1411402190070	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	22/10/1995	Vĩnh Phúc	6.3	TB Khá	C14DL02	
46	1411402190107	Văn Minh Hải	Anh	Nam	26/08/1996	Bình Thuận	6.2	TB Khá	C14DL02	
47	1411402190106	Huỳnh Thị	Cầm	Nữ	16/04/1995	Quảng Ngãi	6.6	TB Khá	C14DL02	
48	1411402190071	Phan Ngọc Băng	Châu	Nữ	19/12/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14DL02	
49	1411402190117	Thị	Cúc	Nữ	12/04/1995	Bình Phước	7.5	Khá	C14DL02	
50	1411402190089	Nguyễn Thị Thu	Đam	Nữ	13/01/1995	Bình Thuận	6.3	TB Khá	C14DL02	
51	1411402190124	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	05/11/1996	Nam Định	6.7	TB Khá	C14DL02	
52	1411402190072	Hoàng Thị Ngọc	Dung	Nữ	30/06/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	C14DL02	
53	1411402190127	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	17/05/1996	Lâm Đồng	6.6	TB Khá	C14DL02	
54	1411402190069	Đào Thị Ánh	Dương	Nữ	23/08/1995	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DL02	
55	1411402190067	Trần Đăng	Duy	Nam	10/04/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14DL02	
56	1411402190099	Lê Đình	Hải	Nam	10/06/1996	Thanh Hóa	7.0	Khá	C14DL02	
57	1411402190108	Đặng Thị Khánh	Hào	Nữ	15/09/1996	Bình Định	6.9	TB Khá	C14DL02	
58	1411402190073	Lê Minh	Hiền	Nữ	15/06/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DL02	
59	1411402190112	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	10/11/1996	Bình Định	7.1	Khá	C14DL02	
60	1411402190114	Ngô Thị Kiều	Lê	Nữ	20/03/1996	Bình Định	7.7	Khá	C14DL02	
61	1411402190132	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	02/04/1995	Bình Định	6.8	TB Khá	C14DL02	
62	1411402190131	Phạm Thị Hồng	Mơ	Nữ	23/11/1996	Hà Tĩnh	6.5	TB Khá	C14DL02	
63	1411402190102	Trương Nữ Quỳnh	Nga	Nữ	05/09/1994	Ninh Thuận	7.3	Khá	C14DL02	
64	1411402190121	Võ Huỳnh Thanh	Nga	Nữ	14/04/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14DL02	
65	1411402190077	Nguyễn Chí	Nghiêm	Nam	27/06/1995	Tây Ninh	8.2	Giỏi	C14DL02	
66	1411402190090	Đàng Nữ Gia	Ngọc	Nữ	12/06/1995	Ninh Thuận	6.5	TB Khá	C14DL02	
67	1411402190103	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	11/03/1995	Bình Phước	6.9	TB Khá	C14DL02	
68	1411402190091	Lê Thị	Oanh	Nữ	10/02/1995	Bình Định	7.9	Khá	C14DL02	
69	1411402190094	Đỗ Thị	Son	Nữ	09/05/1996	Bình Định	6.7	TB Khá	C14DL02	
70	1411402190110	Lê Công	Tây	Nam	12/05/1995	Nghệ An	6.8	TB Khá	C14DL02	
71	1411402190065	Nguyễn Trần Thu	Thảo	Nữ	11/09/1990	Tp. HCM	7.3	Khá	C14DL02	
72	1411402190086	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	12/10/1996	Lâm Đồng	6.0	TB	C14DL02	
73	1411402190085	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	25/12/1995	Lâm Đồng	7.0	Khá	C14DL02	
74	1411402190059	Nguyễn Anh	Thi	Nữ	04/02/1995	Bình Dương	7.0	Khá	C14DL02	
75	1411402190129	Phan Thị Kim	Thoa	Nữ	20/06/1996	Phú Yên	6.7	TB Khá	C14DL02	
76	1411402190118	Nguyễn Võ Trần	Thông	Nam	17/05/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14DL02	
77	1411402190062	Châu Ngọc Anh	Thư	Nữ	08/02/1996	Đồng Nai	7.4	Khá	C14DL02	
78	1411402190113	Trương Văn	Thừa	Nam	12/02/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	C14DL02	
79	1411402190061	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	23/07/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14DL02	
80	1411402190119	Nguyễn Thị Mộng	Tím	Nữ	17/01/1995	Tp. HCM	8.0	Giỏi	C14DL02	
81	1411402190105	Đỗ Thị	Trang	Nữ	14/12/1995	Lâm Đồng	6.3	TB Khá	C14DL02	
82	1411402190120	Phan Thành	Trung	Nam	27/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14DL02	
83	1411402190088	Trương Nữ Bé	Tú	Nữ	10/05/1996	Ninh Thuận	6.8	TB Khá	C14DL02	
84	1411402190081	Bình Thị Mỹ	Tuyển	Nữ	01/01/1995	Bình Thuận	6.6	TB Khá	C14DL02	
85	1411402190076	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	Nữ	17/05/1993	Bình Thuận	6.8	TB Khá	C14DL02	
86	1411402190080	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	21/09/1995	Tây Ninh	6.3	TB Khá	C14DL02	
87	1415103010002	Đoàn Hữu Tuấn	Anh	Nam	04/03/1994	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DT01	
88	1415103010053	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	18/04/1996	Hà Nội	6.6	TB Khá	C14DT01	
89	1415103010026	Trần Nguyên	Bảo	Nam	02/12/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14DT01	

2

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
90	1415103010045	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	03/06/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14DT01	
91	1415103010038	Nguyễn Văn	Cường	Nam	17/09/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DT01	
92	1415103010042	Nguyễn Minh	Dàng	Nam	31/12/1995	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14DT01	
93	1415103010048	Trần Lê Khánh	Duy	Nam	13/05/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DT01	
94	1415103010007	Trần Thanh	Duy	Nam	15/06/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14DT01	
95	1415103010033	Nguyễn Tuấn	Giao	Nam	25/10/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DT01	
96	1415103010009	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	22/03/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14DT01	
97	1415103010029	Thái Nguyễn Văn	Hào	Nam	09/02/1995	Bình Dương	7.1	Khá	C14DT01	
98	1415103010012	Hoàng Mạnh	Hùng	Nam	20/05/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14DT01	
99	1415103010027	Lê Quang	Huy	Nam	13/11/1995	Bình Dương	7.8	Khá	C14DT01	
100	1415103010003	Lê Quốc	Huy	Nam	01/06/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14DT01	
101	1415103010004	Sơn Chí	Khang	Nam	03/06/1993	Bình Dương	6.1	TB Khá	C14DT01	
102	1415103010015	Nguyễn Tấn	Linh	Nam	16/12/1996	Sông Bé	5.9	TB	C14DT01	
103	1415103010050	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	01/04/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14DT01	
104	1415103010044	Nguyễn Quốc	Lợi	Nam	12/02/1996	Bình Dương	6.0	TB	C14DT01	
105	1415103010032	Hồ Hoàng	Luân	Nam	30/01/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14DT01	
106	1415103010046	Trương Văn	Minh	Nam	23/07/1995	Bắc Ninh	7.6	Khá	C14DT01	
107	1415103010025	Lê Danh	Nghĩa	Nam	06/07/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14DT01	
108	1415103010006	Nguyễn Lê Anh	Nhật	Nam	11/10/1995	Bình Phước	6.8	TB Khá	C14DT01	
109	1415103010014	Nguyễn Đức	Phú	Nam	04/01/1995	Bình Phước	6.9	TB Khá	C14DT01	
110	1415103010013	Trần Công	Quý	Nam	25/02/1994	Bình Phước	6.6	TB Khá	C14DT01	
111	1415103010019	Nguyễn Thành	Tân	Nam	08/10/1996	Bình Dương	5.6	TB	C14DT01	
112	1415103010039	Nguyễn Văn	Tân	Nam	09/06/1996	Bình Dương	5.9	TB	C14DT01	
113	1415103010016	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	14/05/1996	Đồng Nai	6.9	TB Khá	C14DT01	
114	1415103010017	Nguyễn Ngọc	Tùng	Nam	26/12/1996	Thái Bình	6.9	TB Khá	C14DT01	
115	1415103010034	Nguyễn Lê Nhật	Vy	Nữ	10/06/1996	Sông Bé	5.9	TB	C14DT01	
116	1415103010045	Nguyễn Duy	Giáo	Nam	02/10/1994	Nghệ An	8.1	Giỏi	C14DT01	
117	1415103010059	Mai Văn	An	Nam	24/09/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	C14DT02	
118	1415103010117	Lâm Thành	Đạt	Nam	24/03/1995	Tp. HCM	7.0	Khá	C14DT02	
119	1415103010109	Nguyễn Đình	Đạt	Nam	02/02/1994	Quảng Trị	7.8	Khá	C14DT02	
120	1415103010092	Nguyễn Đình	Điệp	Nam	06/01/1995	Đắk Lắk	6.4	TB Khá	C14DT02	
121	1415103010085	Mai Hồng	Đức	Nam	22/04/1995	Bình Dương	7.2	Khá	C14DT02	
122	1415103010118	Phạm Lê Huỳnh	Đức	Nam	12/11/1996	Bình Phước	6.6	TB Khá	C14DT02	
123	1415103010079	Cao Trần Minh	Dũng	Nam	22/05/1995	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14DT02	
124	1415103010108	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	30/03/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14DT02	
125	1415103010116	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	03/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14DT02	
126	1415103010081	Nguyễn Minh	Hải	Nam	10/08/1996	Bình Phước	6.6	TB Khá	C14DT02	
127	1415103010067	Nguyễn Minh	Hậu	Nam	16/01/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	C14DT02	
128	1415103010113	Võ Thành	Hiên	Nam	16/03/1996	Phú Yên	6.8	TB Khá	C14DT02	
129	1415103010073	Đặng Việt	Hòa	Nam	26/12/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DT02	
130	1415103010077	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	15/09/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14DT02	
131	1415103010107	Dương Thế	Hữu	Nam	21/09/1996	Bình Phước	7.5	Khá	C14DT02	
132	1415103010080	Nguyễn Tấn	Lợi	Nam	29/07/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14DT02	
133	1415103010119	Nguyễn Thanh	Long	Nam	22/04/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14DT02	
134	1415103010098	Tạ Thanh	Luận	Nam	26/05/1994	Bình Thuận	7.3	Khá	C14DT02	
135	1415103010091	Hoàng Đức	Mạnh	Nam	14/11/1994	Nam Định	6.8	TB Khá	C14DT02	
136	1415103010106	Vũ Đức	Ngọc	Nam	11/12/1994	Bình Dương	7.4	Khá	C14DT02	
137	1415103010090	Nguyễn Thanh	Phác	Nam	09/02/1996	Phú Thọ	6.8	TB Khá	C14DT02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
138	1415103010058	Hoàng Long	Phi	Nam	09/06/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14DT02	
139	1415103010069	Võ Hoài	Phong	Nam	15/11/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14DT02	
140	1415103010068	Nguyễn Quốc	Quý	Nam	20/12/1995	Bình Dương	7.9	Khá	C14DT02	
141	1415103010054	Nguyễn Duy	Sơn	Nam	28/10/1996	Thái Bình	7.2	Khá	C14DT02	
142	1415103010075	Vương Bảo	Tâm	Nam	26/02/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14DT02	
143	1415103010084	Hoàng Văn	Tiến	Nam	01/01/1996	Quảng Trị	7.3	Khá	C14DT02	
144	1415103010082	Nguyễn Mạnh	Toàn	Nam	17/02/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14DT02	
145	1413403010101	Đỗ Thị Thúy	An	Nữ	01/08/1995	Bình Dương	7.9	Khá	C14KT01	
146	1413403010001	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14KT01	
147	1413403010055	Lê Quỳnh	Chi	Nữ	13/05/1996	Đắk Nông	6.2	TB Khá	C14KT01	
148	1413403010047	Nguyễn Xuân	Diệu	Nữ	17/05/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14KT01	
149	1413403010084	Phan Thị Thanh	Hằng	Nữ	02/08/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14KT01	
150	1413403010049	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	12/01/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14KT01	
151	1413403010058	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	17/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14KT01	
152	1413403010076	Dương Thị	Hiền	Nữ	10/03/1996	Nghệ An	7.2	Khá	C14KT01	
153	1413403010077	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	25/05/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14KT01	
154	1413403010004	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	04/03/1996	Bình Dương	6.0	TB	C14KT01	
155	1413403010033	Lý Cẩm	Hồng	Nữ	18/04/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	C14KT01	
156	1413403010091	Diệp Minh	Huệ	Nữ	25/07/1996	Bình Dương	6.1	TB Khá	C14KT01	
157	1413403010022	Lê Lam	Linh	Nữ	13/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14KT01	
158	1413403010090	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	14/02/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14KT01	
159	1413403010048	Nguyễn Trần Diệu	Linh	Nữ	11/08/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14KT01	
160	1413403010072	Phan Thị Xuân	Mai	Nữ	13/09/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14KT01	
161	1413403010046	Trương Nguyễn Trúc	Mai	Nữ	08/07/1996	Tp. HCM	6.5	TB Khá	C14KT01	
162	1413403010031	Nguyễn Thị Trà	Mi	Nữ	16/11/1996	Nghệ An	6.7	TB Khá	C14KT01	
163	1413403010041	Phan Thị	Nga	Nữ	27/10/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14KT01	
164	1413403010073	Võ Thị Thanh	Nga	Nữ	20/02/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14KT01	
165	1413403010074	Lê Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	10/07/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14KT01	
166	1413403010019	Trần Hà Minh	Ngân	Nữ	21/04/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14KT01	
167	1413403010020	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	Nữ	04/11/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14KT01	
168	1413403010088	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	Nữ	15/10/1996	Bình Phước	6.8	TB Khá	C14KT01	
169	1413403010029	Nguyễn Thị Bích	Nhu	Nữ	11/08/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14KT01	
170	1413403010023	Vương Khả	Như	Nữ	05/03/1996	Bình Dương	6.1	TB Khá	C14KT01	
171	1413403010093	Hồ Như	Quỳnh	Nữ	15/02/1996	Bình Phước	5.9	TB	C14KT01	
172	1413403010009	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	18/09/1994	Bình Phước	8.0	Giỏi	C14KT01	
173	1413403010008	Trần Thị Anh	Thơ	Nữ	12/08/1994	Bình Phước	6.4	TB Khá	C14KT01	
174	1413403010056	Nguyễn Thị Hồng	Thu	Nữ	12/02/1996	Bình Phước	6.4	TB Khá	C14KT01	
175	1413403010038	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	6.1	TB Khá	C14KT01	
176	1413403010081	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	01/01/1996	Bến Tre	6.9	TB Khá	C14KT01	
177	1413403010010	Ngưu Thị Hoàng	Thủy	Nữ	12/12/1995	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14KT01	
178	1413403010017	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	25/03/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14KT01	
179	1413403010027	Hà Cẩm	Tiến	Nữ	23/04/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14KT01	
180	1413403010034	Trần Thị Tuyết	Trình	Nữ	16/01/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14KT01	
181	1413403010050	Trịnh Phú	Trọng	Nam	19/11/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14KT01	
182	1413403010051	Phạm Thanh	Tú	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14KT01	
183	1413403010044	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	10/04/1990	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14KT01	
184	1413403010040	Phan Thị Ánh	Tuyết	Nữ	16/06/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14KT01	
185	1413403010060	Huỳnh Thúy	Vi	Nữ	04/10/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14KT01	

4 haw

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
186	1413403010071	Nguyễn Ngọc	Xuân	Nữ	05/03/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14KT01	
187	1413403010080	Trần Thị Ánh	Xuân	Nữ	22/09/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14KT01	
188	1413403010153	Giáp Thị Hải	Anh	Nữ	20/02/1996	Bắc Giang	6.4	TB Khá	C14KT02	
189	1413403010107	Võ Thị Kim	Cương	Nữ	27/11/1996	Tây Ninh	6.1	TB Khá	C14KT02	
190	1413403010125	Phạm Thị Hồng	Đào	Nữ	29/01/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14KT02	
191	1413403010138	Hồ Ngọc	Dung	Nữ	12/08/1996	Sông Bé	7.5	Khá	C14KT02	
192	1413403010166	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	10/05/1995	Bình Dương	6.4	TB Khá	C14KT02	
193	1413403010132	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	01/07/1994	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14KT02	
194	1413403010126	Vũ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	10/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14KT02	
195	1413403010150	Trần Minh	Hải	Nam	06/06/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14KT02	
196	1413403010189	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	16/12/1996	Phú Thọ	6.8	TB Khá	C14KT02	
197	1413403010141	Nguyễn Thị Minh	Hiền	Nữ	15/02/1996	Hải Dương	6.6	TB Khá	C14KT02	
198	1413403010196	Phạm Hồng	Hoa	Nữ	25/02/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	C14KT02	
199	1413403010178	Bùi Thị Thanh	Huệ	Nữ	29/09/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	C14KT02	
200	1413403010187	Nguyễn Thị Xuân	Lan	Nữ	15/03/1995	Bình Dương	7.5	Khá	C14KT02	
201	1413403010188	Trương Thị	Liên	Nữ	13/11/1996	Thanh Hóa	7.0	Khá	C14KT02	
202	1413403010143	Đinh Thị Tuyết	Linh	Nữ	27/06/1996	Sông Bé	7.2	Khá	C14KT02	
203	1413403010152	Ngô Thị Tuyết	Ngân	Nữ	15/02/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14KT02	
204	1413403010181	Dương Thị Kim	Nhàn	Nữ	02/07/1995	Bình Thuận	7.7	Khá	C14KT02	
205	1413403010179	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	12/04/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	C14KT02	
206	1413403010172	Nguyễn Hoài	Nhi	Nữ	09/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14KT02	
207	1413403010108	Biện Thị	Nho	Nữ	27/12/1995	Sông Bé	6.7	TB Khá	C14KT02	
208	1413403010116	Hồ Thị Quỳnh	Như	Nữ	31/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14KT02	
209	1413403010162	Phan Thị Quỳnh	Như	Nữ	10/08/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	C14KT02	
210	1413403010137	Phạm Thị Mai	Phương	Nữ	01/12/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	C14KT02	
211	1413403010133	Lê Trúc	Phượng	Nữ	11/11/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14KT02	
212	1413403010115	Trần Thị Kim	Quyên	Nữ	25/11/1995	An Giang	7.6	Khá	C14KT02	
213	1413403010184	Trần Thị Kim	Quyên	Nữ	14/05/1996	Ninh Thuận	6.6	TB Khá	C14KT02	
214	1413403010192	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	00/01/1996	Bình Phước	6.4	TB Khá	C14KT02	
215	1413403010151	Huỳnh Thị Việt	Tâm	Nữ	21/08/1996	TT. Huế	6.3	TB Khá	C14KT02	
216	1413403010130	Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	21/06/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14KT02	
217	1413403010118	Vũ Thanh	Thanh	Nữ	25/05/1996	Bình Phước	6.9	TB Khá	C14KT02	
218	1413403010191	Đoàn Thị Thanh	Thảo	Nữ	19/03/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14KT02	
219	1413403010164	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	04/02/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14KT02	
220	1413403010109	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/07/1996	Hải Phòng	6.6	TB Khá	C14KT02	
221	1413403010168	Phan Thị Ngọc	Thiên	Nữ	24/02/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	C14KT02	
222	1413403010140	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	Nữ	06/01/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14KT02	
223	1413403010103	Hồ Lê Như	Thủy	Nữ	10/02/1996	Bình Phước	6.3	TB Khá	C14KT02	
224	1413403010161	Huỳnh Thị Nguyễn	Thủy	Nữ	04/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14KT02	
225	1413403010113	Huỳnh Thanh Thủy	Tiên	Nữ	16/10/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	C14KT02	
226	1413403010114	Ngô Thị Thủy	Tiên	Nữ	06/11/1995	Đắk Lắk	7.4	Khá	C14KT02	
227	1413403010104	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	11/09/1995	Đồng Nai	8.6	Giỏi	C14KT02	
228	1413403010156	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/07/1995	Bình Dương	7.6	Khá	C14KT02	
229	1413403010120	Nguyễn Thị Thảo	Trình	Nữ	02/08/1994	Bình Thuận	7.1	Khá	C14KT02	
230	1413403010157	Nguyễn Quốc Thanh	Vy	Nữ	11/11/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14KT02	
231	1411402010003	Đỗ Thị Tuấn	Anh	Nữ	26/01/1994	Lào Cai	6.9	TB Khá	C14MN01	
232	1411402010004	Nguyễn Quế	Anh	Nữ	26/12/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14MN01	
233	1411402010005	Trần Thị Trâm	Anh	Nữ	20/10/1995	Bình Phước	7.2	Khá	C14MN01	

5/10/2017

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
234	1411402010006	Đoàn Nguyễn Xuân Cẩm	Nữ	17/10/1995	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14MN01	
235	1411402010044	Nguyễn Thị Kim Diễm	Nữ	02/03/1996	Bình Định	6.6	TB Khá	C14MN01	
236	1411402010008	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	24/02/1996	Gia Lai	7.0	Khá	C14MN01	
237	1411402010007	Võ Thị Thùy Dương	Nữ	04/11/1994	Bình Dương	7.1	Khá	C14MN01	
238	1411402010009	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Nữ	21/02/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14MN01	
239	1411402010010	Phan Thị Bích Giang	Nữ	11/12/1992	Bình Dương	7.0	Khá	C14MN01	
240	1411402010011	Cao Thị Hương	Nữ	19/08/1995	Ninh Bình	7.4	Khá	C14MN01	
241	1411402010012	Trần Lê Diễm Hương	Nữ	24/12/1993	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14MN01	
242	1411402010015	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	13/08/1995	Quảng Ngãi	5.8	TB	C14MN01	
243	1411402010016	Võ Thị Ngọc Huyền	Nữ	16/11/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14MN01	
244	1411402010018	Nguyễn Thị Lanh	Nữ	27/05/1996	An Giang	6.4	TB Khá	C14MN01	
245	1411402010019	Võ Thị Liên	Nữ	10/11/1992	Bình Dương	7.2	Khá	C14MN01	
246	1411402010020	Trương Thị Mỹ Linh	Nữ	10/09/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14MN01	
247	1411402010046	Ngô Ngọc Phương Loan	Nữ	14/03/1996	Bình Thuận	6.6	TB Khá	C14MN01	
248	1411402010021	Ngô Thị Thanh Loan	Nữ	06/05/1995	Bình Dương	7.2	Khá	C14MN01	
249	1411402010022	Nguyễn Thị Mai Loan	Nữ	08/05/1994	Bình Dương	6.4	TB Khá	C14MN01	
250	1411402010023	Phạm Thị Cẩm Loan	Nữ	09/04/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14MN01	
251	1411402010024	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	03/05/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14MN01	
252	1411402010025	Đỗ Thị Bích Ngọc	Nữ	24/11/1996	Lâm Đồng	6.5	TB Khá	C14MN01	
253	1411402010050	Nguyễn Nữ Hồng Ngọc	Nữ	26/09/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	C14MN01	
254	1411402010026	Trịnh Thị Kim Oanh	Nữ	12/03/1995	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	C14MN01	
255	1411402010027	Phạm Thị Phượng	Nữ	12/02/1996	Thanh Hóa	6.3	TB Khá	C14MN01	
256	1411402010045	Dương Thị Quý	Nữ	22/10/1996	Bắc Giang	6.4	TB Khá	C14MN01	
257	1411402010028	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	18/09/1989	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14MN01	
258	1411402010049	Lê Hoàng Anh Thư	Nữ	28/11/1996	Bình Thuận	7.1	Khá	C14MN01	
259	1411402010032	Võ Thị Thanh Thủy	Nữ	07/09/1996	Quảng Ngãi	6.3	TB Khá	C14MN01	
260	1411402010030	Hồ Thị Thanh Thúy	Nữ	12/02/1995	Bình Dương	7.5	Khá	C14MN01	
261	1411402010031	Lê Thị Thúy	Nữ	26/12/1991	Bình Dương	7.2	Khá	C14MN01	
262	1411402010042	Bùi Thị Trang	Nữ	10/07/1996	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	C14MN01	
263	1411402010033	Hoàng Nguyễn Huyền Trang	Nữ	17/05/1994	Tp. HCM	6.7	TB Khá	C14MN01	
264	1411402010043	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	08/11/1996	Tp. HCM	5.7	TB	C14MN01	
265	1411402010047	Phan Thị Linh Trang	Nữ	13/02/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	C14MN01	
266	1411402010034	Tổng Thị Thùy Trinh	Nữ	13/10/1994	Bình Dương	7.0	Khá	C14MN01	
267	1411402010035	Trần Thụy Thuý	Nữ	02/04/1996	Long An	5.9	TB	C14MN01	
268	1411402010036	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	20/08/1995	Bình Dương	7.1	Khá	C14MN01	
269	1411402010037	Lê Thị Vân	Nữ	10/11/1996	Hà Tĩnh	6.3	TB Khá	C14MN01	
270	1411402010038	Trịnh Thị Kiều Vân	Nữ	23/09/1996	Bến Tre	6.6	TB Khá	C14MN01	
271	1411402010048	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	15/09/1996	Khánh Hòa	6.4	TB Khá	C14MN01	
272	1411402010096	Võ Thị Thúy Ái	Nữ	21/03/1996	Quảng Ngãi	7.3	Khá	C14MN02	
273	1411402010054	Nguyễn Thúy An	Nữ	05/07/1996	Tây Ninh	7.7	Khá	C14MN02	
274	1411402010082	Mạc Thị Ánh	Nữ	20/03/1996	Hải Dương	7.7	Khá	C14MN02	
275	1411402010109	Nguyễn Thị Cẩm	Nữ	29/01/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	C14MN02	
276	1411402010076	Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	Nữ	06/05/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	C14MN02	
277	1411402010064	Phạm Thị Kiều Diễm	Nữ	01/01/1995	Quảng Trị	6.9	TB Khá	C14MN02	
278	1411402010110	Cao Thị Kỳ Duyên	Nữ	01/04/1996	Gia Lai	6.7	TB Khá	C14MN02	
279	1411402010072	Lưu Hoàng Duyên	Nữ	04/12/1996	Bình Thuận	7.2	Khá	C14MN02	
280	1411402010080	Ngô Thị Cẩm Duyên	Nữ	12/10/1995	Kiên Giang	7.3	Khá	C14MN02	
281	1411402010068	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	07/08/1995	Bình Thuận	7.6	Khá	C14MN02	

6/10/2017

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
282	1411402010070	Phan Thị Mỹ	Hào	Nữ	20/11/1996	Gia Lai	6.9	TB Khá	C14MN02	
283	1411402010056	Trần Thị An	Hòa	Nữ	23/02/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14MN02	
284	1411402010065	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	01/08/1996	Quảng Ngãi	7.7	Khá	C14MN02	
285	1411402010101	Trần Thị	Hồng	Nữ	12/04/1996	Quảng Bình	6.7	TB Khá	C14MN02	
286	1411402010079	Trần Thị Kim	Huyền	Nữ	04/09/1996	Kiên Giang	7.8	Khá	C14MN02	
287	1411402010057	Võ Thị	Huyền	Nữ	07/11/1996	Hà Tĩnh	7.0	Khá	C14MN02	
288	1411402010081	Hoàng Thị Mỹ	Lan	Nữ	01/12/1995	Kiên Giang	6.7	TB Khá	C14MN02	
289	1411402010061	Nguyễn Thị Ngọc	Lựu	Nữ	20/02/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	C14MN02	
290	1411402010092	Phạm Thị Mỹ	Ly	Nữ	03/02/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	C14MN02	
291	1411402010102	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	20/12/1996	Gia Lai	7.7	Khá	C14MN02	
292	1411402010100	Phạm Ái	Ngân	Nữ	17/10/1996	Bình Định	7.2	Khá	C14MN02	
293	1411402010103	Nguyễn Trần Thị Thu	Nhi	Nữ	02/05/1996	Bình Thuận	7.7	Khá	C14MN02	
294	1411402010060	Nguyễn Thị Hồng	Nhiên	Nữ	05/09/1996	Long An	7.7	Khá	C14MN02	
295	1411402010099	Vũ Thị Huyền	Thanh	Nữ	09/10/1996	Đắk Nông	7.0	Khá	C14MN02	
296	1411402010089	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	16/04/1996	Quảng Ngãi	6.6	TB Khá	C14MN02	
297	1411402010075	Trần Nguyệt	Thư	Nữ	08/10/1996	Long An	7.8	Khá	C14MN02	
298	1411402010052	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	20/02/1996	Bình Thuận	7.8	Khá	C14MN02	
299	1411402010093	Ngô Thị Thủy	Tiên	Nữ	20/06/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	C14MN02	
300	1411402010058	Trương Thị Thủy	Tiên	Nữ	14/10/1996	Vĩnh Long	7.3	Khá	C14MN02	
301	1411402010055	Đỗ Quỳnh	Trâm	Nữ	22/09/1996	Cần Thơ	7.0	Khá	C14MN02	
302	1411402010087	Huỳnh Thị Thúy	Trang	Nữ	26/10/1995	Đắk Nông	7.8	Khá	C14MN02	
303	1411402010086	Phan Thị Kim	Tuyến	Nữ	02/06/1996	Bình Định	7.4	Khá	C14MN02	
304	1411402010090	Lư Thị Thúy	Vân	Nữ	10/10/1996	Bình Thuận	6.2	TB Khá	C14MN02	
305	1411402010098	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	16/04/1996	Quảng Ngãi	6.1	TB Khá	C14MN02	
306	1411402010104	Trần Thị Thu	Yến	Nữ	26/02/1996	Khánh Hòa	7.2	Khá	C14MN02	
307	1411402010142	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	24/08/1996	Bình Định	7.3	Khá	C14MN03	
308	1411402010162	Phạm Thị Kim	Chi	Nữ	07/11/1996	Nam Định	6.6	TB Khá	C14MN03	
309	1411402010163	Xa Thị Bích	Diễm	Nữ	20/02/1995	Quảng Ngãi	7.1	Khá	C14MN03	
310	1411402010160	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	20/02/1994	Tiền Giang	7.2	Khá	C14MN03	
311	1411402010133	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/05/1996	Gia Lai	6.9	TB Khá	C14MN03	
312	1411402010115	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	22/04/1996	Bình Định	6.7	TB Khá	C14MN03	
313	1411402010164	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	25/09/1995	Quảng Ngãi	7.9	Khá	C14MN03	
314	1411402010114	Huỳnh Thị	Hoa	Nữ	17/07/1994	Quảng Ngãi	7.6	Khá	C14MN03	
315	1411402010120	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/01/1996	Lâm Đồng	7.8	Khá	C14MN03	
316	1411402010113	Nguyễn Thị Minh	Khánh	Nữ	02/09/1995	Gia Lai	8.2	Giỏi	C14MN03	
317	1411402010112	Đặng Thị Ngọc	Lâm	Nữ	09/09/1996	Gia Lai	7.4	Khá	C14MN03	
318	1411402010129	Phạm Thị	Lệ	Nữ	30/01/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	C14MN03	
319	1411402010111	Phan Thị Mỹ	Lệ	Nữ	19/01/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	C14MN03	
320	1411402010156	Siu Nhật	Lệ	Nữ	28/04/1996	Gia Lai	6.0	TB	C14MN03	
321	1411402010124	Võ Thị Kim	Liên	Nữ	20/09/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	C14MN03	
322	1411402010154	Hoàng Thị	Linh	Nữ	02/03/1996	Gia Lai	7.1	Khá	C14MN03	
323	1411402010116	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	06/10/1996	Đồng Nai	7.6	Khá	C14MN03	
324	1411402010148	Nguyễn Thị Kim	Lộc	Nữ	15/06/1996	Quảng Ngãi	7.9	Khá	C14MN03	
325	1411402010159	Nguyễn Thị	Mãi	Nữ	26/11/1996	Thanh Hóa	7.4	Khá	C14MN03	
326	1411402010126	Trần Thị Hồng	Mỹ	Nữ	21/02/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	C14MN03	
327	1411402010136	Trần Thị Huyền	Năng	Nữ	13/12/1996	Ninh Thuận	7.4	Khá	C14MN03	
328	1411402010131	Bùi Thị Ánh	Ngân	Nữ	17/12/1996	Gia Lai	7.2	Khá	C14MN03	
329	1411402010128	Trương Thị Yến	Nhi	Nữ	05/01/1996	Vũng Tàu	7.4	Khá	C14MN03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
330	1411402010127	Kiều Thị Thúy	Nhiên	Nữ	01/09/1996	Quảng Ngãi	7.8	Khá	C14MN03	
331	1411402010118	Phạm Thị Huỳnh	Như	Nữ	29/08/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	C14MN03	
332	1411402010135	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	18/05/1995	Thanh Hóa	7.8	Khá	C14MN03	
333	1411402010166	Trần Thị	Thương	Nữ	02/08/1995	Quảng Ngãi	6.5	TB Khá	C14MN03	
334	1411402010134	Võ Thị Phương	Thùy	Nữ	20/04/1996	Bình Định	7.3	Khá	C14MN03	
335	1411402010165	Đặng Thị Thùy	Trang	Nữ	16/03/1995	Quảng Bình	7.7	Khá	C14MN03	
336	1411402010121	Phạm Thị	Trang	Nữ	20/02/1996	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	C14MN03	
337	1411402010158	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	13/09/1996	Tp. HCM	6.9	TB Khá	C14MN03	
338	1411402010161	Ngô Thị Hạnh	Uyên	Nữ	22/02/1996	Đắk Lắk	6.7	TB Khá	C14MN03	
339	1411402010132	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	Nữ	18/07/1996	Kon Tum	7.2	Khá	C14MN03	
340	1411402010149	Nguyễn Thị Kiều	Vương	Nữ	24/10/1996	Bình Thuận	7.5	Khá	C14MN03	
341	1411402010155	Bùi Thị	Yến	Nữ	04/09/1994	Đắk Lắk	7.4	Khá	C14MN03	
342	1411402310005	Bùi Thị Thúy	An	Nữ	03/10/1996	Sông Bé	7.2	Khá	C14SA01	
343	1411402310007	Nguyễn Trường	An	Nữ	27/04/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14SA01	
344	1411402310001	Đào Thiện Thiên	Ân	Nữ	20/03/1990	Bình Dương	7.6	Khá	C14SA01	
345	1411402310063	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/09/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14SA01	
346	1411402310011	Vương Kim	Cúc	Nữ	25/02/1994	Bình Dương	7.2	Khá	C14SA01	
347	1411402310004	Huỳnh Ngọc Linh	Đan	Nữ	29/04/1993	Tp. HCM	7.4	Khá	C14SA01	
348	1411402310012	Trần Mỹ	Duyên	Nữ	17/10/1996	Bến Tre	6.1	TB Khá	C14SA01	
349	1411402310013	Bùi Thị Cẩm	Giang	Nữ	12/12/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	C14SA01	
350	1411402310067	Phạm Thị Khánh	Hà	Nữ	01/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14SA01	
351	1411402310017	Huỳnh Thị Kim	Hoa	Nữ	23/07/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	C14SA01	
352	1411402310075	Vũ Thanh	Hồng	Nữ	22/09/1996	Cần Thơ	7.8	Khá	C14SA01	
353	1411402310019	Từ Thích Nữ	Huệ	Nữ	17/01/1995	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14SA01	
354	1411402310014	Ngô Mỹ	Hương	Nữ	15/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14SA01	
355	1411402310020	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	14/04/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14SA01	
356	1411402310021	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	Nữ	18/02/1992	Bình Dương	7.2	Khá	C14SA01	
357	1411402310062	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	10/02/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14SA01	
358	1411402310022	Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	22/10/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14SA01	
359	1411402310058	Đặng Nguyễn Nhất	Linh	Nữ	04/12/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14SA01	
360	1411402310024	Ngô Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/05/1996	Cà Mau	7.1	Khá	C14SA01	
361	1411402310025	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	25/01/1996	Sông Bé	7.5	Khá	C14SA01	
362	1411402310026	Trần Thị Thúy	Linh	Nữ	12/08/1995	Sông Bé	7.0	Khá	C14SA01	
363	1411402310066	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	23/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14SA01	
364	1411402310027	Bùi Thị Hồng	Loan	Nữ	24/08/1995	Sông Bé	6.7	TB Khá	C14SA01	
365	1411402310028	Nguyễn Trần Hải	Nam	Nam	22/11/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14SA01	
366	1411402310029	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/04/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14SA01	
367	1411402310068	Trần Ngọc Yến	Nhi	Nữ	13/05/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14SA01	
368	1411402310031	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	16/04/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14SA01	
369	1411402310032	Ngô Thị	Phúc	Nữ	02/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA01	
370	1411402310072	Đinh Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	20/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14SA01	
371	1411402310073	Lâm Kim	Son	Nam	25/01/1995	Bình Dương	7.6	Khá	C14SA01	
372	1411402310033	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	26/07/1995	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14SA01	
373	1411402310061	Nguyễn Hồng	Thái	Nữ	20/02/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	C14SA01	
374	1411402310040	Lê Thị	Thắm	Nữ	26/10/1995	Sông Bé	7.7	Khá	C14SA01	
375	1411402310057	Nguyễn Hoàng	Thanh	Nữ	11/10/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	C14SA01	
376	1411402310038	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14SA01	
377	1411402310039	Nguyễn Trần Lan	Thảo	Nữ	26/08/1987	Bình Dương	7.6	Khá	C14SA01	

han

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
378	1411402310042	Đặng Ngọc Anh	Thoa	Nữ	02/04/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA01	
379	1411402310069	Phùng Thị	Thu	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14SA01	
380	1411402310036	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	23/05/1995	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA01	
381	1411402310056	Tô Ngọc Đan	Thùy	Nữ	01/08/1995	Đồng Nai	6.7	TB Khá	C14SA01	
382	1411402310041	Trần Thị Minh	Thùy	Nữ	14/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA01	
383	1411402310043	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	Nữ	17/10/1996	Tp. HCM	6.8	TB Khá	C14SA01	
384	1411402310044	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	02/06/1995	Cà Mau	7.3	Khá	C14SA01	
385	1411402310074	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	05/05/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14SA01	
386	1411402310059	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	13/04/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14SA01	
387	1411402310047	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/06/1995	Thái Bình	7.3	Khá	C14SA01	
388	1411402310071	Trương Thị Thanh	Trúc	Nữ	20/07/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14SA01	
389	1411402310049	Phùng Thị Kim	Tuyết	Nữ	30/11/1995	Sông Bé	7.2	Khá	C14SA01	
390	1411402310050	Đinh Thị	Uyên	Nữ	03/05/1995	Đồng Nai	7.6	Khá	C14SA01	
391	1411402310052	Nguyễn Thị Minh	Uyên	Nữ	16/08/1991	Tp. HCM	7.1	Khá	C14SA01	
392	1411402310053	Huỳnh Khánh	Vân	Nữ	31/05/1995	Long An	7.6	Khá	C14SA01	
393	1411402310054	Trần Mỹ	Ý	Nữ	17/01/1994	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA01	
394	1411402310055	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	27/06/1987	Bình Dương	8.3	Giỏi	C14SA01	
395	1411402310115	Vũ Thị Kim	Anh	Nữ	19/12/1996	Tp. HCM	6.7	TB Khá	C14SA02	
396	1411402310128	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/08/1996	Thanh Hóa	6.6	TB Khá	C14SA02	
397	1411402310116	Vũ Thị Thu	Ba	Nữ	24/03/1995	Bình Dương	6.5	TB Khá	C14SA02	
398	1411402310134	Châu Thị	Chi	Nữ	18/06/1995	Bình Thuận	7.1	Khá	C14SA02	
399	1411402310133	Trương Thị Kim	Chi	Nữ	05/08/1996	Ninh Thuận	7.3	Khá	C14SA02	
400	1411402310125	Ngô Thị Kiều	Diễm	Nữ	07/03/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	C14SA02	
401	1411402310131	Đào Thị Ngọc	Diên	Nữ	28/05/1996	Quảng Ngãi	7.6	Khá	C14SA02	
402	1411402310102	Lê Thị Thuý	Dung	Nữ	26/11/1996	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	C14SA02	
403	1411402310141	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02/05/1995	Bình Định	7.3	Khá	C14SA02	
404	1411402310127	Phạm Thị Xuân	Giang	Nữ	30/04/1995	Bình Thuận	7.7	Khá	C14SA02	
405	1411402310146	Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	06/11/1995	Tp. HCM	8.1	Giỏi	C14SA02	
406	1411402310139	Nguyễn Phạm Lê Thu	Hà	Nữ	10/09/1995	Bình Thuận	7.5	Khá	C14SA02	
407	1411402310119	Trần Thị Mỹ	Hằng	Nữ	08/08/1995	Bình Dương	7.1	Khá	C14SA02	
408	1411402310132	Trương Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	10/02/1996	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	C14SA02	
409	1411402310084	Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	02/11/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14SA02	
410	1411402310144	Trần Thị	Hồng	Nữ	08/06/1996	Hà Nam	7.7	Khá	C14SA02	
411	1411402310152	Phan Thị Mỹ	Hương	Nữ	02/01/1996	Lâm Đồng	7.7	Khá	C14SA02	
412	1411402310149	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	28/03/1996	Bình Định	7.3	Khá	C14SA02	
413	1411402310108	Hoặc Cảnh	Kỳ	Nam	27/10/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	C14SA02	
414	1411402310124	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	Nữ	01/06/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14SA02	
415	1411402310142	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/11/1995	Ninh Thuận	7.6	Khá	C14SA02	
416	1411402310138	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/09/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	C14SA02	
417	1411402310155	Phan Thị Diệp	Lợi	Nữ	02/02/1995	Bình Định	8.4	Giỏi	C14SA02	
418	1411402310140	Lương Thị Thu	Mai	Nữ	05/06/1996	Đắk Lắk	7.8	Khá	C14SA02	
419	1411402310153	Vũ Hoàng	Mi	Nữ	08/04/1995	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA02	
420	1411402310083	Nguyễn Minh	Nguyễn	Nữ	27/10/1994	Quảng Nam	8.0	Giỏi	C14SA02	
421	1411402310085	Dương Minh	Nguyệt	Nữ	01/04/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SA02	
422	1411402310111	Nguyễn Thanh	Nhân	Nữ	03/01/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	C14SA02	
423	1411402310109	Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	10/10/1990	Tp. HCM	8.3	Giỏi	C14SA02	
424	1411402310080	Trương Hồng	Nhật	Nữ	16/02/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	C14SA02	
425	1411402310114	Trần Thị Hoàng	Oanh	Nữ	20/03/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14SA02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
426	1411402310145	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	13/09/1995	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	C14SA02	
427	1411402310098	Lê Văn	Phước	Nam	28/08/1996	Long An	7.6	Khá	C14SA02	
428	1411402310126	Bạch Thị Hoài	Phượng	Nữ	30/08/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	C14SA02	
429	1411402310148	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	16/04/1996	Quảng Bình	7.4	Khá	C14SA02	
430	1411402310137	Tổng Thị Trúc	Phượng	Nữ	10/08/1996	Bình Thuận	8.0	Giỏi	C14SA02	
431	1411402310087	Lê Châu	Sang	Nữ	01/06/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	C14SA02	
432	1411402310150	Đặng Viết	Thân	Nam	25/05/1996	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	C14SA02	
433	1411402310078	Hồ Thị	Thanh	Nữ	28/10/1996	Bình Phước	7.8	Khá	C14SA02	
434	1411402310103	Trần Phạm Kim	Thanh	Nữ	13/02/1996	Ninh Thuận	7.4	Khá	C14SA02	
435	1411402310161	Phan Thị	Thảo	Nữ	19/07/1996	Quảng Trị	8.2	Giỏi	C14SA02	
436	1411402310099	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	21/03/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14SA02	
437	1411402310081	Thân Thị Cẩm	Thúy	Nữ	21/12/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14SA02	
438	1411402310097	Võ Thu	Thủy	Nữ	09/06/1995	Bình Dương	8.2	Giỏi	C14SA02	
439	1411402310086	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	Nữ	15/04/1994	Kiên Giang	7.8	Khá	C14SA02	
440	1411402310088	Phan Bích	Trâm	Nữ	04/12/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	C14SA02	
441	1411402310104	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	13/03/1996	Bình Phước	7.3	Khá	C14SA02	
442	1411402310136	Võ Lê Huyền	Trang	Nữ	06/11/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	C14SA02	
443	1411402310130	Bùi Thị Doan	Trinh	Nữ	20/05/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	C14SA02	
444	1411402310089	Nguyễn Thị Anh	Trúc	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14SA02	
445	1411402310117	Lê Thị	Tuyền	Nữ	27/09/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	C14SA02	
446	1411402310162	Dương Thị Tú	Uyên	Nữ	28/07/1996	Bình Thuận	7.8	Khá	C14SA02	
447	1411402310090	Huỳnh Dương Tường	Vy	Nữ	24/05/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	C14SA02	
448	1411402310076	Mâu Thị Như	Ý	Nữ	29/07/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14SA02	
449	1411402310129	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	30/06/1996	Lâm Đồng	7.2	Khá	C14SA02	
450	1411402130004	Trần Thị Lệ	Bích	Nữ	15/03/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14SH01	
451	1411402130058	Lê Thiện	Chí	Nam	19/05/1994	Bình Dương	7.3	Khá	C14SH01	
452	1411402130009	Trần Thị Thanh	Hằng	Nữ	28/06/1995	Bình Dương	7.8	Khá	C14SH01	
453	1411402130011	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	24/01/1996	Nam Định	8.2	Giỏi	C14SH01	
454	1411402130012	Nguyễn Nhật	Hiếu	Nam	26/08/1995	Bình Dương	7.7	Khá	C14SH01	
455	1411402130017	Đỗ Thị	Hoa	Nữ	08/11/1995	Thanh Hóa	8.3	Giỏi	C14SH01	
456	1411402130015	Nguyễn Bích	Hoàng	Nữ	01/04/1995	Bình Thuận	8.1	Giỏi	C14SH01	
457	1411402130016	Phạm Minh	Hoàng	Nam	22/10/1991	Sông Bé	7.9	Khá	C14SH01	
458	1411402130048	Lê Thị Cẩm	Hương	Nữ	31/12/1996	Gia Lai	7.8	Khá	C14SH01	
459	1411402130020	Nguyễn Đức	Huy	Nam	04/04/1996	Sông Bé	7.1	Khá	C14SH01	
460	1411402130021	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	21/03/1995	Bình Dương	7.6	Khá	C14SH01	
461	1411402130022	Hoàng Thị Kim	Lý	Nữ	19/10/1996	Bình Thuận	7.4	Khá	C14SH01	
462	1411402130023	Nguyễn Thị Hồng	Mai	Nữ	29/01/1995	Sông Bé	7.3	Khá	C14SH01	
463	1411402130026	Châu Thị	Nao	Nữ	10/02/1995	Ninh Thuận	7.7	Khá	C14SH01	
464	1411402130027	Miêu Thị Kim	Ngân	Nữ	26/01/1992	Ninh Thuận	7.2	Khá	C14SH01	
465	1411402130055	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	26/02/1995	Sông Bé	7.8	Khá	C14SH01	
466	1411402130056	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	18/11/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14SH01	
467	1411402130030	Phạm Thị	Nhi	Nữ	04/11/1995	Sông Bé	7.1	Khá	C14SH01	
468	1411402130031	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	11/10/1994	Sông Bé	7.7	Khá	C14SH01	
469	1411402130033	Nguyễn Hoàng	Phượng		26/09/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14SH01	
470	1411402130053	Phạm Thái	Quan	Nam	02/07/1996	Đồng Nai	6.9	TB Khá	C14SH01	
471	1411402130035	Nguyễn Thị An	Sương	Nữ	16/02/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14SH01	
472	1411402130066	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	09/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SH01	
473	1411402130069	Phạm Hà Anh	Thư	Nữ	15/12/1996	Bình Dương	7.8	Khá	C14SH01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
474	1411402130037	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/07/1995	Nghệ An	7.3	Khá	C14SH01	
475	1411402130065	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/09/1995	Bình Dương	7.0	Khá	C14SH01	
476	1411402130036	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	05/09/1996	Đồng Nai	7.9	Khá	C14SH01	
477	1411402130062	Nguyễn Trung	Tính	Nam	06/04/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14SH01	
478	1411402130041	Ka	Trâm	Nữ	06/02/1994	Lâm Đồng	7.6	Khá	C14SH01	
479	1411402130042	Nguyễn Thị Thu	Trâm	Nữ	08/10/1995	Lâm Đồng	7.6	Khá	C14SH01	
480	1411402130043	Trần Nguyễn Xuân	Trang	Nữ	12/06/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14SH01	
481	1411402130044	Trần Thị Thúy	Trình	Nữ	01/06/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14SH01	
482	1411402130045	Trần Thị Tuyết	Trình	Nữ	02/07/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14SH01	
483	1411402130040	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	19/10/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14SH01	
484	1411402130052	Trần Thanh	Tuấn	Nam	24/01/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14SH01	
485	1411402130046	Nguyễn Thị Tiểu	Tuyết	Nữ	15/03/1996	Sông Bé	7.5	Khá	C14SH01	
486	1411402130057	Lê Thị	Vân	Nữ	10/08/1995	Thanh Hóa	7.1	Khá	C14SH01	
487	1411402130047	Trần Linh Hải	Yến	Nữ	04/03/1996	Sông Bé	7.6	Khá	C14SH01	
488	1411402130099	Lê Thị Ngọc	Bê	Nữ	06/06/1996	Sông Bé	7.3	Khá	C14SH02	
489	1411402130150	Vũ Thị	Bình	Nữ	18/01/1996	Thái Bình	7.9	Khá	C14SH02	
490	1411402130074	Vương Tú	Châu	Nữ	04/07/1994	Bình Dương	8.4	Giỏi	C14SH02	
491	1411402130127	Hoàng Văn	Cường	Nam	25/11/1996	Thanh Hóa	6.5	TB Khá	C14SH02	
492	1411402130114	Giang Thành	Danh	Nam	21/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SH02	
493	1411402130149	Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	11/11/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14SH02	
494	1411402130134	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	Nữ	14/03/1995	Quảng Bình	7.7	Khá	C14SH02	
495	1411402130154	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	10/09/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14SH02	
496	1411402130098	Trần Vũ Mai	Hoàng	Nam	25/03/1996	Bình Định	8.0	Giỏi	C14SH02	
497	1411402130091	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/05/1995	Bình Thuận	7.6	Khá	C14SH02	
498	1411402130071	Nguyễn Lý	Lê	Nữ	15/11/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14SH02	
499	1411402130131	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	19/09/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	C14SH02	
500	1411402130090	Phạm Thị	Mai	Nữ	14/06/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	C14SH02	
501	1411402130082	Lê Thị Hà	Mỹ	Nữ	08/12/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14SH02	
502	1411402130143	Trần Thị Thanh	Mỹ	Nữ	25/02/1995	Ninh Thuận	7.8	Khá	C14SH02	
503	1411402130140	Trần Thị Quỳnh	Nga	Nữ	30/08/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	C14SH02	
504	1411402130076	Võ Thị Thu	Ngân	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14SH02	
505	1411402130107	Lê Thị	Ngọc	Nữ	24/02/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14SH02	
506	1411402130119	Đàng Thị	Phin	Nữ	08/10/1995	Ninh Thuận	7.6	Khá	C14SH02	
507	1411402130100	Trần Thị Phương	Quê	Nữ	26/03/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	C14SH02	
508	1411402130089	Phạm Ngọc Phương	Quyên	Nữ	12/09/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14SH02	
509	1411402130122	Nguyễn Phương	Tâm	Nam	12/07/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	C14SH02	
510	1411402130070	Trần Bảo	Tâm	Nam	07/11/1996	Bình Dương	7.8	Khá	C14SH02	
511	1411402130126	Hoàng Thị	Thắm	Nữ	11/09/1996	Bình Phước	7.2	Khá	C14SH02	
512	1411402130081	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	11/03/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14SH02	
513	1411402130130	Trịnh Thị Hoài	Thương	Nữ	08/11/1995	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14SH02	
514	1411402130094	Võ Mai	Thy	Nữ	05/10/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14SH02	
515	1411402130083	Dương Thị Mai	Trâm	Nữ	26/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14SH02	
516	1411402130073	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	Nữ	25/03/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14SH02	
517	1411402130104	Lê Thị	Trang	Nữ	07/11/1996	Vĩnh Phúc	6.9	TB Khá	C14SH02	
518	1411402130105	Trần Đặng Thanh	Trúc	Nữ	14/03/1996	Bình Định	6.2	TB Khá	C14SH02	
519	1411402130102	Nguyễn Thị	Truynh	Nữ	21/01/1995	Bình Dương	6.1	TB Khá	C14SH02	
520	1411402130088	Đỗ Thị Cẩm	Tuyền	Nữ	08/08/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14SH02	
521	1411402130142	Trần Thị Bích	Vi	Nữ	05/02/1994	Bình Định	7.2	Khá	C14SH02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
522	1411402130137	Phạm Thị Diệu Viên	Nữ	20/04/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	C14SH02	
523	1411402130110	Trần Quang Vinh	Nam	25/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14SH02	
524	1411402130139	Hồ Thị Xuân	Nữ	05/11/1996	Bình Thuận	6.9	TB Khá	C14SH02	
525	1411402130124	Võ Thị Kim Ý	Nữ	29/05/1995	Long An	7.7	Khá	C14SH02	
526	1411402020002	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	17/07/1995	Tp. HCM	6.9	TB Khá	C14TH01	
527	1411402020003	Vương Ngọc Anh	Nữ	21/03/1996	Sông Bé	7.4	Khá	C14TH01	
528	1411402020005	Nguyễn Hồ Phương Chi	Nữ	24/03/1995	Sông Bé	7.9	Khá	C14TH01	
529	1411402020009	Nguyễn Thị Dung	Nữ	06/10/1995	Nghệ An	7.9	Khá	C14TH01	
530	1411402020006	Hồ Thị Thùy Dương	Nữ	13/12/1996	Tây Ninh	6.9	TB Khá	C14TH01	
531	1411402020007	Nguyễn Công Dương	Nam	13/05/1990	Sông Bé	7.5	Khá	C14TH01	
532	1411402020010	Lưu Thị Mỹ Duyên	Nữ	13/02/1995	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14TH01	
533	1411402020012	Trần Huỳnh Hương Duyên	Nữ	12/10/1995	Sông Bé	8.3	Giỏi	C14TH01	
534	1411402020014	Huỳnh Thị Ngọc Hân	Nữ	29/08/1995	Bình Thuận	7.8	Khá	C14TH01	
535	1411402020013	Hoàng Thị Thu Hằng	Nữ	10/10/1994	Bình Phước	7.8	Khá	C14TH01	
536	1411402020019	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	05/01/1992	Sông Bé	8.7	Giỏi	C14TH01	
537	1411402020021	Đinh Thị Hoài	Nữ	25/01/1995	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14TH01	
538	1411402020022	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	14/02/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14TH01	
539	1411402020023	Huỳnh Huy Hoàng	Nữ	08/08/1994	Sông Bé	7.6	Khá	C14TH01	
540	1411402020024	Đinh Thị Huệ	Nữ	30/10/1995	Lâm Đồng	7.5	Khá	C14TH01	
541	1411402020025	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	Nữ	10/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14TH01	
542	1411402020027	Võ Thị Mỹ Huệ	Nữ	01/08/1995	Bình Thuận	7.9	Khá	C14TH01	
543	1411402020020	Bùi Đức Hùng	Nam	08/04/1996	Lâm Đồng	7.0	Khá	C14TH01	
544	1411402020015	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	Nữ	28/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14TH01	
545	1411402020016	Trần Thị Thu Hương	Nữ	10/12/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	C14TH01	
546	1411402020029	Nguyễn Thị Kim Khánh	Nữ	16/01/1995	Sông Bé	8.2	Giỏi	C14TH01	
547	1411402020030	Huỳnh Thị Lan	Nữ	08/05/1995	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14TH01	
548	1411402020031	Ma Thị Lan	Nữ	20/07/1994	Tuyên Quang	6.3	TB Khá	C14TH01	
549	1411402020032	Hoàng Mỹ Linh	Nữ	11/03/1995	Bình Thuận	7.6	Khá	C14TH01	
550	1411402020033	Ka Loan	Nữ	02/01/1995	Lâm Đồng	7.1	Khá	C14TH01	
551	1411402020035	Phan Thị Mai	Nữ	20/02/1996	Sông Bé	7.5	Khá	C14TH01	
552	1411402020036	Phạm Quang Minh	Nam	02/12/1996	Sông Bé	7.7	Khá	C14TH01	
553	1411402020037	Dương Thị Ngọc Mỹ	Nữ	09/09/1995	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14TH01	
554	1411402020038	Trần Thị Mỹ	Nữ	25/03/1996	Bình Phước	8.1	Giỏi	C14TH01	
555	1411402020039	Mai Thị Hồng Ngân	Nữ	01/12/1996	Đắk Lắk	7.6	Khá	C14TH01	
556	1411402020041	Vũ Thị Ánh Ngọc	Nữ	20/05/1996	Sông Bé	7.0	Khá	C14TH01	
557	1411402020043	Dương Thị Yến Nhi	Nữ	15/08/1995	Đồng Nai	7.5	Khá	C14TH01	
558	1411402020044	Lương Thị Thùy Nhi	Nữ	02/06/1996	Đồng Nai	8.0	Giỏi	C14TH01	
559	1411402020042	Nguyễn Thị Xuân Như	Nữ	18/09/1996	Tp. HCM	7.6	Khá	C14TH01	
560	1411402020045	Lê Thị Cẩm Nhung	Nữ	26/11/1995	Nghệ An	7.6	Khá	C14TH01	
561	1411402020047	Nguyễn Thị Ry Ny	Nữ	21/10/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14TH01	
562	1411402020048	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	09/11/1995	Lâm Đồng	8.0	Giỏi	C14TH01	
563	1411402020049	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	Nữ	01/04/1995	Hà Tĩnh	7.0	Khá	C14TH01	
564	1411402020054	Nguyễn Thanh Thanh	Nữ	19/12/1995	Sông Bé	7.9	Khá	C14TH01	
565	1411402020052	Phan Thị Thảo	Nữ	26/01/1994	Nghệ An	8.0	Giỏi	C14TH01	
566	1411402020053	Võ Thị Kim Thảo	Nữ	07/03/1995	Tp. HCM	7.8	Khá	C14TH01	
567	1411402020055	Đào Thị Hoàng Thi	Nữ	14/02/1995	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14TH01	
568	1411402020058	Trần Thị Cẩm Thu	Nữ	06/11/1995	Tây Ninh	7.6	Khá	C14TH01	
569	1411402020060	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Nữ	1995	Bình Dương	7.0	Khá	C14TH01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
570	1411402020062	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	31/05/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14TH01	
571	1411402020090	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	27/02/1996	Sông Bé	7.1	Khá	C14TH02	
572	1411402020109	Nguyễn Hải	Bình	Nữ	23/07/1996	Sông Bé	7.1	Khá	C14TH02	
573	1411402020111	Lưu Anh	Đào	Nữ	02/12/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14TH02	
574	1411402020085	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	10/06/1996	Sông Bé	7.1	Khá	C14TH02	
575	1411402020121	Lê Diễm	Hà	Nữ	30/11/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TH02	
576	1411402020104	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	09/09/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14TH02	
577	1411402020119	Trần Thị	Hiền	Nữ	14/12/1996	Thái Bình	7.1	Khá	C14TH02	
578	1411402020116	Nguyễn Thị Kim	Hường	Nữ	06/12/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	C14TH02	
579	1411402020089	Kim	Ngân	Nữ	19/11/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14TH02	
580	1411402020087	Nguyễn Phương Bảo	Ngân	Nữ	03/02/1995	Tp. HCM	7.1	Khá	C14TH02	
581	1411402020091	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	09/06/1996	Sông Bé	6.9	TB Khá	C14TH02	
582	1411402020100	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14TH02	
583	1411402020082	Nguyễn Thị Hồ	Như	Nữ	16/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14TH02	
584	1311402020116	Phạm Đặng Huỳnh	Như	Nữ	25/10/1995	Đồng Nai	7.4	Khá	C14TH02	
585	1411402020083	Trần Ngọc	Nương	Nữ	19/10/1995	Sông Bé	7.6	Khá	C14TH02	
586	1411402020099	Lê Nguyễn Minh	Phúc	Nữ	05/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14TH02	
587	1411402020097	Trần Trương	Phụng	Nữ	26/07/1995	Sông Bé	7.4	Khá	C14TH02	
588	1411402020113	Bùi Thị	Phượng	Nữ	28/06/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	C14TH02	
589	1411402020115	Trần Tú	Quyên	Nữ	20/12/1996	Bình Phước	7.0	Khá	C14TH02	
590	1411402020098	Huỳnh Thanh	Tâm	Nam	25/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14TH02	
591	1411402020084	Đoàn Anh	Tấn	Nam	30/09/1996	Sông Bé	7.8	Khá	C14TH02	
592	1411402020080	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/05/1996	Bắc Giang	7.2	Khá	C14TH02	
593	1411402020081	Phạm Thị	Thắng	Nữ	25/05/1995	Nghệ An	6.9	TB Khá	C14TH02	
594	1411402020094	Nguyễn Ngọc Thùy	Thanh	Nữ	07/08/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14TH02	
595	1411402020095	Hồ Thị Thanh	Thảo	Nữ	12/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14TH02	
596	1411402020125	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	21/11/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14TH02	
597	1411402020101	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	26/05/1996	Bình Thuận	7.3	Khá	C14TH02	
598	1411402020124	Vũ Thị	Thơm	Nữ	28/10/1996	Nam Định	6.7	TB Khá	C14TH02	
599	1411402020061	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	Nữ	19/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14TH02	
600	1411402020110	Nguyễn Thị Như	Tiên	Nữ	16/08/1988	Hà Nội	7.4	Khá	C14TH02	
601	1411402020064	Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	07/07/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14TH02	
602	1411402020107	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	08/02/1995	Sông Bé	7.0	Khá	C14TH02	
603	1411402020065	Cao Thị Huyền	Trang	Nữ	07/10/1994	Thanh Hóa	6.7	TB Khá	C14TH02	
604	1411402020096	Đặng Trần Diễm	Trinh	Nữ	13/04/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14TH02	
605	1411402020066	Hoàng Mai	Trinh	Nữ	09/01/1996	Sông Bé	6.5	TB Khá	C14TH02	
606	1411402020067	Nguyễn Thị Hạnh	Trinh	Nữ	1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14TH02	
607	1411402020112	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	06/05/1996	Long An	6.8	TB Khá	C14TH02	
608	1411402020069	Đào Thị	Tuyển	Nữ	24/10/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	C14TH02	
609	1411402020070	Phạm Quang	Tuyển	Nam	05/01/1994	Sông Bé	7.0	Khá	C14TH02	
610	1411402020122	Nguyễn Như	Tuyển	Nữ	24/01/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	C14TH02	
611	1411402020073	Nghiêm Thanh Thúy	Vy	Nữ	05/08/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14TH02	
612	1411402020075	Nguyễn Thị Thanh	Ý	Nữ	29/01/1996	Đồng Nai	7.3	Khá	C14TH02	
613	1411402020076	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	04/10/1996	Hải Phòng	7.0	Khá	C14TH02	
614	1411402020079	Võ Thị Hoàng	Yến	Nữ	27/08/1996	Sông Bé	7.2	Khá	C14TH02	
615	1411402020078	Vương Hải	Yến	Nữ	24/10/1995	Cao Bằng	7.1	Khá	C14TH02	
616	1411402020132	Lê Thúy	An	Nữ	29/12/1996	Bình Phước	8.1	Giỏi	C14TH03	
617	1411402020192	Trần Thị Đào	Anh	Nữ	14/05/1995	Lâm Đồng	7.5	Khá	C14TH03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
618	1411402020204	Phạm Hoàng	Bảo	Nam	20/05/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	C14TH03	
619	1411402020129	Nguyễn Thúy	Bình	Nữ	21/03/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	C14TH03	
620	1411402020188	Phan Thị	Châu	Nữ	25/01/1996	Bình Định	7.3	Khá	C14TH03	
621	1411402020153	Phan Thị Kim	Chung	Nữ	09/04/1995	Quảng Ngãi	7.3	Khá	C14TH03	
622	1411402020156	Lý Thị Thanh	Diệu	Nữ	02/02/1995	Gia Lai	7.4	Khá	C14TH03	
623	1411402020198	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	18/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TH03	
624	1411402020146	Phạm Thị Hồng	Gấm	Nữ	06/07/1996	Lâm Đồng	7.6	Khá	C14TH03	
625	1411402020183	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/03/1996	Lâm Đồng	7.6	Khá	C14TH03	
626	1411402020152	Đỗ Trọng	Hải	Nam	07/08/1995	Bình Định	7.6	Khá	C14TH03	
627	1411402020133	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	06/11/1995	Bình Thuận	7.5	Khá	C14TH03	
628	1411402020206	Võ Thị Tuyết	Hạnh	Nữ	13/12/1996	Quảng Bình	7.7	Khá	C14TH03	
629	1411402020140	Lê Thị Phúc	Hậu	Nữ	12/01/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14TH03	
630	1411402020154	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	Nữ	06/10/1996	Ninh Thuận	7.0	Khá	C14TH03	
631	1411402020161	Bùi Thị Bích	Hồng	Nữ	16/04/1995	Ninh Thuận	8.0	Giỏi	C14TH03	
632	1411402020178	Trần Thị Thu	Hồng	Nữ	20/08/1996	Bình Thuận	7.3	Khá	C14TH03	
633	1411402020174	Lê Thị	Hương	Nữ	16/10/1995	Quảng Bình	7.3	Khá	C14TH03	
634	1411402020150	Lư Nguyên	Hy	Nam	14/11/1995	Bình Thuận	7.4	Khá	C14TH03	
635	1411402020142	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	19/07/1995	Bình Thuận	7.8	Khá	C14TH03	
636	1411402020197	Đặng Thị	Loan	Nữ	06/09/1996	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	C14TH03	
637	1411402020143	Nguyễn Văn	Long	Nam	02/02/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	C14TH03	
638	1411402020151	Hồ Thị Thanh	Ngân	Nữ	08/06/1996	Bình Định	7.5	Khá	C14TH03	
639	1411402020196	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	08/01/1996	Hà Tĩnh	7.3	Khá	C14TH03	
640	1411402020163	Võ Thị Như	Ngọc	Nữ	11/03/1996	Bình Định	7.7	Khá	C14TH03	
641	1411402020126	Vũ Y	Nguyên	Nữ	17/06/1995	Long An	7.2	Khá	C14TH03	
642	1411402020185	Đặng Thị Thu	Nguyệt	Nữ	20/10/1994	Bình Định	7.1	Khá	C14TH03	
643	1411402020149	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	13/09/1995	Quảng Bình	7.4	Khá	C14TH03	
644	1411402020171	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	11/05/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	C14TH03	
645	1411402020173	Vũ Lệ Tố	Quyên	Nữ	08/12/1995	Gia Lai	7.2	Khá	C14TH03	
646	1411402020148	Hà Thị	Sinh	Nữ	10/09/1996	Bình Thuận	6.8	TB Khá	C14TH03	
647	1411402020131	Trần Thị Hà	Thanh	Nữ	25/11/1995	Bình Dương	7.5	Khá	C14TH03	
648	1411402020155	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/04/1996	Bình Phước	6.8	TB Khá	C14TH03	
649	1411402020203	Trần Thị	Thảo	Nữ	05/03/1996	Nghệ An	7.3	Khá	C14TH03	
650	1411402020208	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	10/05/1995	Gia Lai	7.4	Khá	C14TH03	
651	1411402020205	Nguyễn Thị Tường	Thơ	Nữ	04/07/1996	Long An	7.3	Khá	C14TH03	
652	1411402020169	Hoàng Thị Anh	Thư	Nữ	12/05/1995	Lâm Đồng	7.5	Khá	C14TH03	
653	1411402020199	Trần Thị	Thuận	Nữ	14/04/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	C14TH03	
654	1411402020179	Lương Thị	Thúy	Nữ	21/08/1995	Cao Bằng	7.6	Khá	C14TH03	
655	1411402020157	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	24/12/1995	Bình Phước	7.4	Khá	C14TH03	
656	1411402020170	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/09/1994	Ninh Thuận	7.5	Khá	C14TH03	
657	1411402020207	Nguyễn Thị Hà	Trâm	Nữ	13/11/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14TH03	
658	1411402020191	Đậu Thị Linh	Trang	Nữ	01/03/1995	Nghệ An	7.5	Khá	C14TH03	
659	1411402020139	Nguyễn Võ Hồng	Trang	Nữ	19/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14TH03	
660	1411402020159	Phạm Thị	Trang	Nữ	13/01/1996	Gia Lai	7.4	Khá	C14TH03	
661	1411402020164	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	27/07/1996	Lâm Đồng	7.6	Khá	C14TH03	
662	1411402020182	Trần Thị Tuyết	Trinh	Nữ	10/02/1995	Bình Thuận	7.6	Khá	C14TH03	
663	1411402020177	Nông Thị Hải	Yến	Nữ	05/09/1993	Lâm Đồng	7.5	Khá	C14TH03	
664	1411402090004	Nguyễn Thị	An	Nữ	20/02/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14TO01	
665	1411402090001	Cao Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/12/1995	Đắk Lắk	7.6	Khá	C14TO01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
666	1411402090006	Ngô Thị Ngọc	Bích	Nữ	22/02/1996	Sông Bé	7.6	Khá	C14TO01	
667	1411402090008	Trịnh Huy	Cần	Nam	16/02/1996	Sông Bé	8.3	Giỏi	C14TO01	
668	1411402090009	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	14/10/1996	Bình Thuận	7.3	Khá	C14TO01	
669	1411402090010	Trần Quang	Chiến	Nam	05/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO01	
670	1411402090011	Nguyễn Đình	Chung	Nam	27/09/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14TO01	
671	1411402090007	Trần Chí	Công	Nam	25/02/1996	Sông Bé	7.2	Khá	C14TO01	
672	1411402090003	Võ Trang	Đài	Nữ	09/06/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14TO01	
673	1411402090012	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	23/04/1992	Tp. HCM	7.3	Khá	C14TO01	
674	1411402090013	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	18/09/1989	Ninh Thuận	8.0	Giỏi	C14TO01	
675	1411402090014	Mai Đức	Giang	Nam	02/10/1995	Thanh Hóa	6.4	TB Khá	C14TO01	
676	1411402090022	Lê Ngọc	Hải	Nam	14/02/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO01	
677	1411402090023	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	03/05/1996	Bình Dương	6.0	TB	C14TO01	
678	1411402090016	Lương Hồng	Hân	Nữ	02/08/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	C14TO01	
679	1411402090015	Phan Thị Thanh	Hằng	Nữ	12/07/1996	Sông Bé	7.7	Khá	C14TO01	
680	1411402090024	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	11/04/1996	Bắc Ninh	7.5	Khá	C14TO01	
681	1411402090026	Tô Thị Nữ	Hoàng	Nữ	25/06/1995	Đồng Nai	7.1	Khá	C14TO01	
682	1411402090025	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	18/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14TO01	
683	1411402090018	Phạm Thị Xuân	Hương	Nữ	19/02/1996	Sông Bé	7.1	Khá	C14TO01	
684	1411402090019	Trần Thị	Hương	Nữ	03/07/1996	Sông Bé	7.4	Khá	C14TO01	
685	1411402090020	Vũ Thị	Hương	Nữ	29/11/1996	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	C14TO01	
686	1411402090028	Võ Thị Mỹ	Huỳnh	Nữ	16/12/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14TO01	
687	1411402090031	Ngô Hồng	Khanh	Nam	21/08/1995	Sông Bé	7.3	Khá	C14TO01	
688	1411402090032	Trần Thị	Khuyên	Nữ	22/08/1996	Hà Tĩnh	7.5	Khá	C14TO01	
689	1411402090034	Nguyễn Thị Kim	Lài	Nữ	26/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO01	
690	1411402090033	Cô Thiện	Lâm	Nam	15/10/1994	Bình Dương	7.0	Khá	C14TO01	
691	1411402090035	Huỳnh Văn	Lên	Nam	01/07/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO01	
692	1411402090036	Hồ Thị Phương	Liên	Nữ	06/12/1993	Bình Phước	6.5	TB Khá	C14TO01	
693	1411402090039	Lê Hoàng	Linh	Nam	31/08/1995	Bến Tre	7.5	Khá	C14TO01	
694	1411402090042	Phạm Hồ Yến	Linh	Nữ	07/06/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14TO01	
695	1411402090044	Trần Thị Tuyết	Linh	Nữ	05/11/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	C14TO01	
696	1411402090045	Võ Thị Phương	Linh	Nữ	17/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO01	
697	1411402090046	Võ Minh	Long	Nam	16/05/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14TO01	
698	1411402090048	Võ Thị Kim	Ngân	Nữ	27/10/1996	Bình Phước	7.1	Khá	C14TO01	
699	1411402090051	Nguyễn Hồng	Nhi	Nữ	01/03/1996	Trà Vinh	7.8	Khá	C14TO01	
700	1411402090052	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	14/08/1996	Đồng Nai	7.3	Khá	C14TO01	
701	1411402090053	Võ Thị Tuyết	Nhi	Nữ	18/09/1994	Bình Dương	7.1	Khá	C14TO01	
702	1411402090049	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/06/1996	Đồng Nai	7.9	Khá	C14TO01	
703	1411402090050	Nguyễn Vũ Quân	Như	Nữ	30/12/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14TO01	
704	1411402090054	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/07/1996	Sông Bé	7.2	Khá	C14TO01	
705	1411402090055	Trần Thị Hoàng	Oanh	Nữ	25/10/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	C14TO01	
706	1411402090056	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	01/01/1994	Tp. HCM	6.6	TB Khá	C14TO01	
707	1411402090061	Nguyễn Tấn	Phúc	Nam	11/07/1996	Sông Bé	7.8	Khá	C14TO01	
708	1411402090059	Trần Ngọc Linh	Phương	Nữ	31/08/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14TO01	
709	1411402090062	Lê Thị	Sen	Nữ	08/05/1996	Thanh Hóa	7.3	Khá	C14TO01	
710	1411402090067	Trần Ngọc	Tài	Nam	25/04/1993	Sông Bé	6.8	TB Khá	C14TO01	
711	1411402090064	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/02/1990	Thanh Hóa	7.1	Khá	C14TO01	
712	1411402090065	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	04/01/1996	Sông Bé	7.3	Khá	C14TO01	
713	1411402090066	Nguyễn Văn	Tây	Nam	11/06/1994	Hà Tĩnh	7.4	Khá	C14TO01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
714	1411402090068	Phạm Hồng	Thái	Nam	30/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14TO01	
715	1411402090070	Huỳnh Hương	Thảo	Nữ	01/06/1996	Sông Bé	7.6	Khá	C14TO01	
716	1411402090124	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO02	
717	1411402090095	Phan Thành	Danh	Nam	28/11/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14TO02	
718	1411402090133	Ngô Thị Hồng	Đào	Nữ	17/11/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	C14TO02	
719	1411402090137	Võ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02/01/1996	Long An	8.3	Giỏi	C14TO02	
720	1411402090118	Lương Hoài	Giang	Nữ	15/08/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	C14TO02	
721	1411402090111	Trần Thanh Minh	Hải	Nam	02/12/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	C14TO02	
722	1411402090109	Dương Ngọc Thu	Hằng	Nữ	19/08/1994	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14TO02	
723	1411402090130	Nguyễn Trần Thu	Hằng	Nữ	16/09/1996	Phú Yên	8.1	Giỏi	C14TO02	
724	1411402090116	Lại Thị Thu	Hồng	Nữ	04/01/1996	Sông Bé	8.3	Giỏi	C14TO02	
725	1411402090127	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	18/05/1996	Sông Bé	8.4	Giỏi	C14TO02	
726	1411402090102	Hà Thúy	Hường	Nữ	09/05/1995	Sông Bé	7.5	Khá	C14TO02	
727	1411402090114	Lưu Danh	Huỳnh	Nam	08/02/1996	Ninh Bình	8.0	Giỏi	C14TO02	
728	1411402090131	Lý Thiên	Kim	Nữ	18/09/1996	Đồng Nai	8.0	Giỏi	C14TO02	
729	1411402090106	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	Nữ	05/09/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	C14TO02	
730	1411402090120	Nguyễn Thị Tú	Loan	Nữ	11/10/1996	BR. Vũng Tàu	7.7	Khá	C14TO02	
731	1411402090121	Lê Thị Diễm	Mơ	Nữ	04/06/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14TO02	
732	1411402090099	Phan Hoài	Nam	Nữ	01/02/1995	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	C14TO02	
733	1411402090105	Phạm Thị	Nga	Nữ	03/08/1996	Thanh Hóa	8.3	Giỏi	C14TO02	
734	1411402090125	Bùi Thị Hồng	Nguyên	Nữ	24/02/1996	Sông Bé	7.8	Khá	C14TO02	
735	1411402090129	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	14/08/1996	Thanh Hóa	8.2	Giỏi	C14TO02	
736	1411402090112	Đặng Thị Ái	Như	Nữ	22/03/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	C14TO02	
737	1411402090123	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/10/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	C14TO02	
738	1411402090110	Đặng Thị	Nhung	Nữ	02/07/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14TO02	
739	1411402090115	Nguyễn Hoàng	Phi	Nam	29/09/1996	Sông Bé	7.9	Khá	C14TO02	
740	1411402090134	Nguyễn Thùy Như	Quỳnh	Nữ	05/06/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14TO02	
741	1411402090073	Trần Văn	Tha	Nam	28/03/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14TO02	
742	1411402090126	Nguyễn Cao Mỹ	Thanh	Nữ	03/10/1996	Sông Bé	7.6	Khá	C14TO02	
743	1411402090074	Phạm Thị Ngọc	Thanh	Nữ	14/08/1994	Đồng Nai	7.7	Khá	C14TO02	
744	1411402090071	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	28/06/1996	Tây Ninh	8.3	Giỏi	C14TO02	
745	1411402090072	Trần Vương Thu	Thảo	Nữ	15/09/1995	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO02	
746	1411402090077	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	28/12/1996	Nghệ An	7.9	Khá	C14TO02	
747	1411402090076	Trần Thị Trúc	Thoàng	Nữ	06/07/1994	Bình Thuận	7.7	Khá	C14TO02	
748	1411402090108	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	25/04/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	C14TO02	
749	1411402090078	Nguyễn Thị	Thuần	Nữ	01/05/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	C14TO02	
750	1411402090100	Nguyễn Hoàng	Thương	Nam	16/06/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO02	
751	1411402090093	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/02/1996	Hà Tĩnh	7.7	Khá	C14TO02	
752	1411402090132	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	11/12/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	C14TO02	
753	1411402090075	Đỗ Thanh	Thủy	Nữ	20/05/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO02	
754	1411402090081	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	11/02/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14TO02	
755	1411402090082	Phan Thị Thanh	Tiến	Nữ	12/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO02	
756	1411402090083	Phan Thanh	Toàn	Nam	23/02/1996	Hà Nam	7.4	Khá	C14TO02	
757	1411402090117	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	Nữ	22/11/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	C14TO02	
758	1411402090084	Văn Thị Bích	Trâm	Nữ	20/12/1994	Sóc Trăng	7.9	Khá	C14TO02	
759	1411402090085	Phan Thị Thu	Trang	Nữ	03/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14TO02	
760	1411402090101	Trương Vũ Minh	Trang	Nữ	28/01/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	C14TO02	
761	1411402090135	Võ Thị Kim	Trang	Nữ	27/03/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	C14TO02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
762	1411402090086	Phạm Ngọc	Trình	Nữ	18/07/1995	Tp. HCM	7.7	Khá	C14TO02	
763	1411402090103	Dương Thanh	Trúc	Nữ	01/07/1996	Đồng Nai	7.6	Khá	C14TO02	
764	1411402090087	Huỳnh Ngọc	Trúc	Nữ	13/12/1996	Tp. HCM	8.2	Giỏi	C14TO02	
765	1411402090090	Đỗ Thanh Kim	Vàng	Nữ	15/10/1995	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO02	
766	1411402090091	Nguyễn Thị Thanh	Vy	Nữ	30/08/1996	Bình Dương	7.8	Khá	C14TO02	
767	1411402090128	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	24/06/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14TO02	
768	1411402090098	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	22/05/1984	Thái Bình	8.2	Giỏi	C14TO02	
769	1411402090171	Lê Phương	Anh	Nữ	11/11/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	C14TO03	
770	1411402090152	Đặng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	07/12/1996	Lâm Đồng	8.1	Giỏi	C14TO03	
771	1411402090150	Lê Hữu	Danh	Nam	02/03/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO03	
772	1411402090142	Nguyễn Thịnh Phước	Đức	Nam	14/10/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14TO03	
773	1411402090209	Phan Ngọc Thùy	Dung	Nữ	01/03/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	C14TO03	
774	1411402090192	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	05/10/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	C14TO03	
775	1411402090143	Vũ Thị	Duyên	Nữ	16/07/1996	Thanh Hóa	7.9	Khá	C14TO03	
776	1411402090161	Trần Thị	Hà	Nữ	02/07/1994	Gia Lai	7.6	Khá	C14TO03	
777	1411402090168	Đào Thị Hồng	Hoa	Nữ	15/11/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	C14TO03	
778	1411402090190	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	21/06/1996	Bình Phước	7.9	Khá	C14TO03	
779	1411402090184	Phùng Xuân	Hòa	Nam	26/12/1993	Nam Định	7.7	Khá	C14TO03	
780	1411402090151	Tô Minh	Hoàng	Nam	17/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO03	
781	1411402090199	Lê Thị Tuyết	Hồng	Nữ	25/10/1994	Bình Dương	7.5	Khá	C14TO03	
782	1411402090166	Đỗ Thị	Huệ	Nữ	18/05/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	C14TO03	
783	1411402090174	Trịnh Văn	Huy	Nam	20/06/1996	Nghệ An	7.6	Khá	C14TO03	
784	1411402090205	Nguyễn Võ Hoàng	Kha	Nam	15/04/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	C14TO03	
785	1411402090154	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	16/05/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO03	
786	1411402090160	Thái Hồng Tiểu	Linh	Nữ	25/08/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	C14TO03	
787	1411402090182	Lý Thành	Long	Nam	03/11/1995	Tiền Giang	7.2	Khá	C14TO03	
788	1411402090157	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	02/05/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	C14TO03	
789	1411402090186	Hoàng Thị	Nga	Nữ	20/10/1996	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	C14TO03	
790	1411402090212	Lê Kim	Ngân	Nữ	20/08/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO03	
791	1411402090177	Ngô Bích	Ngọc	Nữ	01/11/1996	Tây Ninh	7.7	Khá	C14TO03	
792	1411402090165	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	02/03/1996	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	C14TO03	
793	1411402090162	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	06/04/1996	Long An	8.4	Giỏi	C14TO03	
794	1411402090156	Trần Minh	Nhân	Nam	01/10/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14TO03	
795	1411402090153	Lê Thủy	Nhi	Nữ	28/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	C14TO03	
796	1411402090201	Phạm Kỳ	Phong	Nam	13/07/1996	Bình Thuận	7.7	Khá	C14TO03	
797	1411402090146	Trần Hữu	Phương	Nam	23/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14TO03	
798	1411402090189	Đặng Văn	Quý	Nam	16/10/1996	Tây Ninh	8.2	Giỏi	C14TO03	
799	1411402090158	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/07/1995	Nghệ An	7.8	Khá	C14TO03	
800	1411402090149	Trần Tấn	Tài	Nam	30/08/1996	Bình Dương	7.8	Khá	C14TO03	
801	1411402090141	Lý Thành	Tâm	Nam	05/01/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14TO03	
802	1411402090176	Đinh Thị	Thảo	Nữ	17/03/1996	Tây Ninh	7.9	Khá	C14TO03	
803	1411402090172	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/08/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	C14TO03	
804	1411402090148	Nguyễn Văn	Tiền	Nam	25/11/1994	Thanh Hóa	7.9	Khá	C14TO03	
805	1411402090138	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	31/10/1995	Bình Thuận	8.5	Giỏi	C14TO03	
806	1411402090197	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	29/06/1996	Long An	8.3	Giỏi	C14TO03	
807	1411402090210	Nguyễn Phi	Trường	Nam	28/11/1996	Sông Bé	7.8	Khá	C14TO03	
808	1411402090167	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	02/08/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14TO03	
809	1411402090193	Thiều Anh	Tuấn	Nam	16/02/1995	Bình Dương	7.1	Khá	C14TO03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
810	1411402090208	Phan Thị Thanh Vân	Nữ	29/09/1995	Ninh Thuận	8.2	Giỏi	C14TO03	
811	1411402090207	Huỳnh Thị Phương Vi	Nữ	10/03/1996	Quảng Ngãi	7.9	Khá	C14TO03	
812	1411402090173	Trương Thị Tường Vi	Nữ	28/06/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	C14TO03	
813	1411402110001	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	31/07/1994	Bình Dương	7.1	Khá	C14VL01	
814	1411402110004	Tô Hồng Bông	Nữ	24/03/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	C14VL01	
815	1411402110007	Nguyễn Thị Ngọc Danh	Nữ	10/12/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14VL01	
816	1411402110008	Bùi Ngọc Diệu	Nữ	06/10/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14VL01	
817	1411402110002	Lê Thành Đông	Nam	19/05/1995	Sông Bé	7.7	Khá	C14VL01	
818	1411402110038	Nguyễn Ngọc Dung	Nữ	04/06/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14VL01	
819	1411402110045	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	02/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14VL01	
820	1411402110043	Lê Thị Thanh Hà	Nữ	18/09/1995	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14VL01	
821	1411402110011	Nguyễn Thu Hà	Nữ	19/12/1996	Cần Thơ	6.6	TB Khá	C14VL01	
822	1411402110012	Hồ Thị Tuyết Hồng	Nữ	13/09/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14VL01	
823	1411402110013	Lưu Trung Kiên	Nam	27/09/1995	Bình Dương	7.2	Khá	C14VL01	
824	1411402110041	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Nữ	25/06/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	C14VL01	
825	1411402110046	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	14/10/1994	Thanh Hóa	7.7	Khá	C14VL01	
826	1411402110016	Trần Hoài Nam	Nam	23/01/1995	Sông Bé	8.4	Giỏi	C14VL01	
827	1411402110017	Lê Huỳnh Nga	Nữ	10/06/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14VL01	
828	1411402110018	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nữ	27/05/1995	Bình Dương	7.2	Khá	C14VL01	
829	1411402110042	Nguyễn Thiên Ngọc	Nữ	10/04/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	C14VL01	
830	1411402110035	Trịnh Thị Bích Ngọc	Nữ	27/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14VL01	
831	1411402110019	Từ Diễm Nhân	Nữ	24/12/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14VL01	
832	1411402110020	Hồ Thị Anh Nhi	Nữ	20/10/1996	Đồng Nai	7.4	Khá	C14VL01	
833	1411402110021	Mã Thị Hồng Nhung	Nữ	23/05/1996	Long An	7.3	Khá	C14VL01	
834	1411402110036	Vũ Thị Oanh	Nữ	07/09/1996	Nam Định	7.7	Khá	C14VL01	
835	1411402110023	Nguyễn Trọng Thành	Nam	06/09/1996	Bình Dương	7.8	Khá	C14VL01	
836	1411402110024	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	16/04/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14VL01	
837	1411402110025	Nguyễn Hữu Thiện	Nam	18/06/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14VL01	
838	1411402110022	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	22/04/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14VL01	
839	1411402110026	Nguyễn Ngọc Thùy	Nữ	/01/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	C14VL01	
840	1411402110027	Lê Thị Thủy	Nữ	30/09/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14VL01	
841	1411402110040	Lê Trung Tính	Nam	24/02/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14VL01	
842	1411402110029	Đậu Thị Thu Trang	Nữ	29/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	C14VL01	
843	1411402110030	Hồ Thị Vương Trúc	Nữ	10/12/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	C14VL01	
844	1411402110031	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	02/05/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14VL01	
845	1411402110028	Nguyễn Hữu Tùng	Nam	01/05/1994	Thanh Hóa	7.1	Khá	C14VL01	
846	1411402110032	Nguyễn Thị Nhất Tuyên	Nữ	11/03/1995	Bình Dương	7.6	Khá	C14VL01	
847	1411402110033	Lê Thị Thanh Tuyền	Nữ	16/01/1995	Bình Dương	8.4	Giỏi	C14VL01	
848	1411402110034	Huỳnh Phương Uyên	Nữ	22/06/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	C14VL01	
849	1411402110047	Nguyễn Thị Nhật Vy	Nữ	29/10/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14VL01	
850	1411402110057	Phạm Hoàng Anh	Nam	30/12/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14VL02	
851	1411402110076	Trịnh Ngọc Anh	Nam	14/10/1995	Bình Dương	7.5	Khá	C14VL02	
852	1411402110065	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	25/10/1995	Hải Dương	7.0	Khá	C14VL02	
853	1411402110081	Nguyễn Huỳnh Minh Chí	Nam	24/05/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14VL02	
854	1411402110054	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	01/12/1996	Thanh Hóa	7.9	Khá	C14VL02	
855	1411402110073	Nguyễn Phạm Hùng	Nam	05/11/1993	Bình Dương	7.5	Khá	C14VL02	
856	1411402110107	Nguyễn Mạnh Hưng	Nam	05/09/1996	Bắc Giang	6.8	TB Khá	C14VL02	
857	1411402110100	Đinh Thị Diễm Hương	Nữ	02/06/1996	Quảng Ngãi	6.7	TB Khá	C14VL02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
858	1411402110058	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	22/07/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14VL02	
859	1411402110086	Nguyễn Thị Phương	Huyền	Nữ	17/08/1995	Tp. HCM	7.0	Khá	C14VL02	
860	1411402110111	Trần Ngọc Trúc	Huỳnh	Nữ	08/04/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14VL02	
861	1411402110093	Hoàng Gia	Khánh	Nam	05/09/1995	Bình Dương	7.4	Khá	C14VL02	
862	1411402110087	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/11/1996	Sông Bé	7.7	Khá	C14VL02	
863	1411402110048	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	28/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14VL02	
864	1411402110097	Bùi Thị Huyền	My	Nữ	04/03/1996	TT. Huế	7.6	Khá	C14VL02	
865	1411402110067	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	05/02/1993	Quảng Ngãi	7.8	Khá	C14VL02	
866	1411402110089	Vũ Thị	Nhung	Nữ	16/07/1996	Bình Thuận	7.8	Khá	C14VL02	
867	1411402110101	Hồ Thị Quỳnh	Oanh	Nữ	15/02/1995	Bình Thuận	7.3	Khá	C14VL02	
868	1411402110059	Trần Xuân	Phát	Nam	28/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14VL02	
869	1411402110092	Vũ Nữ Xuân	Quỳnh	Nữ	08/06/1996	Nghệ An	7.2	Khá	C14VL02	
870	1411402110094	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	31/03/1995	Quảng Nam	7.0	Khá	C14VL02	
871	1411402110098	Phan Châu	Thanh	Nam	22/10/1996	Bình Thuận	7.0	Khá	C14VL02	
872	1411402110050	Trần Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	17/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	C14VL02	
873	1411402110069	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	26/02/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	C14VL02	
874	1411402110109	Khổng Thị Hoài	Thị	Nữ	22/02/1996	Bình Phước	6.7	TB Khá	C14VL02	
875	1411402110084	Phan Thị Kim	Thoa	Nữ	18/01/1996	Bình Dương	7.0	Khá	C14VL02	
876	1411402110103	Lê Thị	Thôi	Nữ	10/06/1995	Bình Thuận	7.1	Khá	C14VL02	
877	1411402110114	Nguyễn Ngọc	Thúy	Nữ	12/02/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14VL02	
878	1411402110055	Đỗ Thị Minh	Thủy	Nữ	14/03/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14VL02	
879	1411402110090	Phạm Lương Trung	Tính	Nam	20/07/1995	Sông Bé	6.6	TB Khá	C14VL02	
880	1411402110078	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24/08/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14VL02	
881	1411402110113	Lưu Thị Hồng	Trình	Nữ	20/02/1995	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14VL02	
882	1411402110091	Nguyễn Thanh	Tuần	Nam	18/02/1996	Bình Định	7.0	Khá	C14VL02	
883	1411402110064	Lai Kim	Tuyển	Nữ	03/12/1996	Bình Dương	7.3	Khá	C14VL02	
884	1411402110066	Nguyễn Trần Phương	Tuyển	Nữ	23/10/1996	Bình Dương	7.6	Khá	C14VL02	
885	1411402110062	Vũ Thị Ngọc	Yến	Nữ	17/12/1995	Sông Bé	7.6	Khá	C14VL02	
886	1417601010028	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	06/12/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14XH01	
887	1417601010030	Nguyễn Hữu	Bằng	Nam	06/01/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	C14XH01	
888	1417601010009	Lư Ngọc	Cầm	Nữ	1995	Bình Dương	7.5	Khá	C14XH01	
889	1417601010052	Huỳnh Ngọc	Duyên	Nữ	08/09/1993	Bình Dương	5.4	TB	C14XH01	
890	1417601010057	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/06/1996	Nam Định	7.2	Khá	C14XH01	
891	1417601010012	Huỳnh Thị Thu	Hằng	Nữ	02/12/1994	Bình Dương	7.5	Khá	C14XH01	
892	1417601010081	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/12/1995	Gia Lai	7.1	Khá	C14XH01	
893	1417601010007	Huỳnh Hiếu	Hạnh	Nữ	31/01/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	C14XH01	
894	1417601010091	Đàm Thị	Hồng	Nữ	11/10/1996	Lâm Đồng	7.2	Khá	C14XH01	
895	1417601010080	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	27/04/1994	Bình Phước	7.2	Khá	C14XH01	
896	1417601010035	Phan Thị	Hương	Nữ	23/06/1996	Bình Phước	7.5	Khá	C14XH01	
897	1417601010023	Phạm Bồ Diễm	Huỳnh	Nữ	08/04/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14XH01	
898	1417601010079	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	29/06/1996	Bình Định	7.9	Khá	C14XH01	
899	1417601010018	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	27/09/1995	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14XH01	
900	1417601010042	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	Nữ	24/04/1994	Bình Dương	5.9	TB	C14XH01	
901	1417601010001	Bùi Thị Thảo	Lý	Nữ	24/01/1995	Bình Định	7.4	Khá	C14XH01	
902	1417601010013	Trần Thị Thảo	Nam	Nữ	16/06/1995	Bình Dương	7.7	Khá	C14XH01	
903	1417601010073	Đỗ Thị Hồng	Nga	Nữ	11/06/1995	Ninh Thuận	6.4	TB Khá	C14XH01	
904	1417601010051	Đào Trần Hồng	Ngân	Nữ	18/08/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	C14XH01	
905	1417601010087	Sử Thị	Nguyên	Nữ	03/02/1996	Ninh Thuận	6.1	TB Khá	C14XH01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
906	1417601010019	Vũ Thị Thảo Nguyên	Nữ	04/04/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	C14XH01	
907	1417601010020	Lê Thị Thanh Nhân	Nữ	01/01/1996	Bình Dương	7.2	Khá	C14XH01	
908	1417601010069	Nguyễn Huỳnh Quỳnh Như	Nữ	14/04/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14XH01	
909	1417601010108	Lê Thị Thanh Phương	Nữ	24/11/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	C14XH01	
910	1417601010054	Nguyễn Thái Thanh	Nữ	17/10/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	C14XH01	
911	1417601010084	Lương Nguyễn Anh Thi	Nữ	07/01/1996	Ninh Thuận	6.7	TB Khá	C14XH01	
912	1417601010056	Dương Thị Thu	Nữ	14/06/1996	Hà Tĩnh	7.3	Khá	C14XH01	
913	1417601010067	Võ Thị Hoà Thuận	Nữ	22/04/1996	Bình Dương	7.1	Khá	C14XH01	
914	1417601010006	Huỳnh Thị Thủy	Nữ	08/07/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14XH01	
915	1417601010063	Nguyễn Trần Thị Kim Tinh	Nữ	03/07/1996	Khánh Hòa	7.2	Khá	C14XH01	
916	1417601010106	Lê Đài Trang	Nữ	10/07/1994	Ninh Thuận	7.0	Khá	C14XH01	
917	1417601010048	Võ Thị Minh Trang	Nữ	03/05/1995	Bình Thuận	7.2	Khá	C14XH01	
918	1417601010022	Lữ Minh Trí	Nam	02/01/1994	Bình Dương	7.2	Khá	C14XH01	
919	1417601010038	Lê Nhựt Trinh	Nữ	31/01/1995	Bình Dương	7.3	Khá	C14XH01	
920	1417601010064	Trần Thị Kiều Trinh	Nữ	21/07/1996	Bình Thuận	6.8	TB Khá	C14XH01	
921	1417601010077	Nào Nữ Thắm Thủy	Nữ	05/10/1995	Ninh Thuận	7.1	Khá	C14XH01	
922	1417601010033	Trần Thanh Trúc	Nữ	16/12/1995	Bình Dương	6.3	TB Khá	C14XH01	
923	1417601010008	Nguyễn Minh Tú	Nam	02/11/1995	Bình Dương	6.7	TB Khá	C14XH01	
924	1417601010039	Lương Phan Hoàng Tùng	Nam	01/02/1995	Bình Phước	7.3	Khá	C14XH01	
925	1417601010074	Đặng Thị Tuyết	Nữ	20/08/1994	Bình Thuận	7.1	Khá	C14XH01	
926	1417601010066	Trần Thị Ánh Tuyết	Nữ	28/10/1996	Bình Dương	7.5	Khá	C14XH01	
927	1417601010026	Lưu Trần Thảo Uyên	Nữ	01/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	C14XH01	
928	1417601010059	Trương Thị Xinh	Nữ	25/12/1996	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	C14XH01	

Tổng danh sách gồm có 928 sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh, trong đó xếp loại:

Xuất sắc: 0

Giỏi: 115

Khá: 560

TB Khá: 238

TB: 15

GIÁM ĐỐC

ThS. Trương Văn Ân

Bình Dương, ngày tháng năm 201
HIỆU TRƯỞNG

(Handwritten signature)
92